

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3101128428

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 01 năm 2024

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 17 tháng 01 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BVN QUẢNG BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BVN QUANG BINH INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BVN QUANG BINH., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Nam Định, Xã Phú Định, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0949749861

Fax:

Email: *bvnquangbinh@gmail.com*

Website:

3. Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 20.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: VŨ QUANG SÁNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/07/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038085000205

Ngày cấp: 20/07/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 57, ngách 173, ngõ 192 phố Lê Trọng Tấn, Tổ 1, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 57, ngách 173, ngõ 192 phố Lê Trọng Tấn, Tổ 1, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 2884/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 13 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất
200.000 tấn/năm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015
và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Biên bản của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi
trường của Dự án Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000
tấn/năm của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính, họp ngày
27 tháng 7 năm 2023;

Xét Văn bản số 2260/STNMT-QLMT ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Sở
Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh
giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén,
công suất 200.000 tấn/năm;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy
chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm đã được chỉnh sửa,
bổ sung kèm theo Công văn số 220/2023/TC-ĐT ngày 05 tháng 9 năm 2023 của
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
745/TTr-STNMT ngày 29 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm
(sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính
(sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phú Định, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng
Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết
định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Bồ Trạch, Chủ tịch UBND xã Phú Định; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Môi trường - Bộ TN và MT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đoàn Ngọc Lâm



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ MÁY CHẤT ĐỐT SINH KHỐI DẠNG VIÊN NÉN CÔNG SUẤT
200.000 TẤN/NĂM

(kèm theo Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023

của UBND tỉnh Quảng Bình)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén công suất 200.000 tấn/năm.

- Địa điểm thực hiện: Xã Phú Định, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính.

- Người đại diện: Trần Lương Chiến Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Địa chỉ: Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Tổng diện tích dự án: 84.227,3 m².

- Công suất sản xuất: 200.000 tấn sản phẩm/năm.

1.3. Quy trình sản xuất

Công nghệ sản xuất của nhà máy như sau: Nguyên liệu → Băm dăm → Nghiền ướt → Sấy → Nghiền tinh → Ép viên và làm mát → Đóng gói, nhập kho thành phẩm.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

- Các hạng mục công trình thi công xây dựng mới: Khu nhà văn phòng, điều hành; nhà ăn, nhà nghỉ cán bộ; Khu nhà xưởng, nhà kho thành phẩm; Trạm biến áp; Trạm bơm, bể nước sinh hoạt, hồ nước PCCC; Nhà vệ sinh; Trạm cân và nhà quản lý trạm cân; Nhà sửa chữa, kho phụ tùng; Nhà cột bơm, bồn chứa dầu; Nhà rác, kho chất thải nguy hại; Bể lắng, trạm xử lý nước thải; Bể nước làm mát; Nhà bảo vệ; Chòi nghỉ; Nhà xe và các công trình phụ trợ khác;

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường: Công trình thu gom và thoát nước mưa; Công trình thu gom và xử lý nước thải; Công trình xử lý bụi, khí thải; Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn; Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; Công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh trong hoạt động giải phóng mặt bằng, đào đắp, thi công các hạng mục công

trình; bụi, khí thải, tiếng ồn phát sinh trên tuyến đường vận chuyển, tại khu vực tập kết nguyên vật liệu, khu vực đổ đất bóc phong hóa; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác, chất thải nguy hại, các sự cố như tai nạn lao động, sự cố chập điện, sự cố cháy nổ phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

- Trong giai đoạn hoạt động: Hoạt động sản xuất của nhà máy; Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm; Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân... làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại, các sự cố như sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tai nạn lao động, sự cố cháy nổ...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Tác động do nước thải, bụi, khí thải:

3.1.1. Nước thải:

a) Trong giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân lao động của dự án với tổng lượng phát sinh khoảng $3m^3/ngày$. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, tổng Nitơ, Amoni, tổng Phốtpho, Coliform... và các vi sinh vật gây bệnh khác.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ các hoạt động thi công, bao gồm: nước thải từ các hoạt động trộn bê tông, vệ sinh thiết bị thi công, bảo dưỡng công trình... Thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải xây dựng gồm: TSS, COD, BOD₅.

- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích dự án có khả năng cuốn theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, đất, cát...

b) Trong giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân trong khu vực dự án với tổng lượng phát sinh khoảng $21,6 m^3/ngày$. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, tổng Nitơ, Amoni, tổng Phốtpho, Coliform... và các vi sinh vật gây bệnh khác.

- Nước mưa chảy tràn: Trong giai đoạn vận hành nhà máy, các loại chất thải rắn nếu không được thu gom sẽ bị cuốn theo nước mưa đặc biệt là khu vực bãi chứa nguyên vật liệu sẽ làm ô nhiễm nước mưa chảy tràn, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực nước mưa chảy qua. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, đất cát...

3.1.2 Bụi, khí thải:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động san nền, đào đắp đất; từ quá trình hoạt động của các máy móc, phương tiện, thiết bị thi công xây dựng; bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án; bụi tại bãi tập kết vật liệu xây dựng, bãi đổ đất bóc phong hóa; bụi do đất bám theo bánh xe từ khu vực thi công ra các tuyến đường... Thông số đặc trưng ô nhiễm: TSP, CO, SO₂, NO_x, VOC_s...

b. Trong giai đoạn hoạt động:

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của nhà máy; quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm; bốc xếp nguyên vật liệu, thành phẩm; hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân; khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu trong lò hơi; mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải... Các thông số ô nhiễm chính gồm: CO, SO₂, NO_x, bụi, NH₃, H₂S...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường:

a) Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân lao động trên công trường gồm giấy loại, bao bì, thức ăn thừa, các vật dụng sinh hoạt loại thải... với khối lượng ước tính khoảng 2,7 kg/ngày.

- Chất thải rắn trong giai đoạn giải phóng mặt bằng khoảng 500kg (sinh khối: cây bụi, gốc cây).

- Chất thải rắn thi công xây dựng với khối lượng phát sinh khoảng 5-10kg/ngày với thành phần chủ yếu các loại vật liệu xây dựng dư thừa như cát, đá, xi măng, bê tông...

- Đất bóc phong hoá không thích hợp với khối lượng khoảng 31.628,1 tấn;

b) Trong giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 52,5kg/ngày, chủ yếu là bao ni lông, chai lọ, thức ăn...

- Chất thải rắn sản xuất thông thường bao gồm:

+ Giấy vụn phế liệu phát sinh trong hoạt động của văn phòng, các bao bì giấy, nhựa đựng văn phòng phẩm ước tính phát sinh khoảng 5 kg/tháng.

+ Bụi thu hồi từ thiết bị xử lý bụi: để hạn chế ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe của công nhân, công ty sẽ lắp đặt các thiết bị thu gom, xử lý bụi.

+ Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất bao gồm mùn gỗ, bụi gỗ thu hồi, vỏ cây, sản phẩm hỏng... khoảng 5.000kg/tháng.

+ Tro từ lò đốt cấp nhiệt cho lò sấy: Khối lượng phát sinh khoảng 100kg/tháng.

3.2.2. Chất thải nguy hại:

a) Trong giai đoạn xây dựng:

Chất thải nguy hại chủ yếu là dầu nhớt thải, giẻ lau, bao bì dính dầu nhớt; bóng đèn huỳnh quang hỏng, các loại sơn phát sinh... khoảng 55kg/năm.

b) Đối với giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại: Giẻ lau dính dầu mỡ từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc; mực in thải bỏ khoảng 290-300 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn xây dựng:

Tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu do hoạt động của phương tiện vận tải và phương tiện thi công cơ giới gây ra, đặc biệt là các thiết bị đào, ủi, xúc... tại khu vực công trường và trên tuyến đường vận chuyển.

b) Trong giai đoạn hoạt động:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị của các dây chuyền sản xuất; hoạt động của các phương tiện vận chuyển phục vụ dự án, máy phát điện dự phòng...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Trong giai đoạn xây dựng:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Tại khu vực lán trại trên công trường sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực lán trại. Nước thải từ nhà vệ sinh không xả thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận mà tiến hành hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút đem đi xử lý khi đầy bể. Sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành bóc dỡ nhà vệ sinh di động.

+ Với nước rửa tay chân của công nhân có thành phần chủ yếu là đất cát, cặn lơ lửng nên không gây tác động môi trường đáng kể và có thể cho tự thấm vào đất qua một hố đào thể tích khoảng 2m³ ở khu vực tắm rửa của công nhân.

- Đối với nước thải xây dựng:
 - + Lót đáy các vị trí trộn vữa bê tông, xi măng để hạn chế nước trộn thấm vào đất, gây ô nhiễm môi trường.
 - + Đối với nước làm sạch dụng cụ, tận dụng lại cho việc trộn vữa xi măng.
 - + Không thi công (trộn bê tông, xi măng...) vào những ngày trời mưa to, bão.
 - + Khi có sự cố vỡ ống nước phải kịp thời khóa nguồn nước và thay thế ống bơm.
 - + Đối với nước thải do xịt rửa bánh xe: Đơn vị thi công bố trí 01 hố ga kích thước $1m^3$ tại điểm xịt rửa để lắng đất cát, cặn lơ lửng, không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.
- Đối với nước mưa chảy tràn:
 - + Tạo mương thoát nước tạm thời dọc các tuyến đường nội, các mương thu dọc hàng rào bao quanh và bố trí các hố lắng cặn tạm thời.
 - + Không đổ các chất thải xây dựng, đá, cát, xà bần, dầu thải... từ công trường vào mương thoát nước.
 - + Thu dọn nạo vét các mương thoát nước trong quá trình thi công.
 - + Các điểm tập kết vật liệu, nhà xe, nhà chứa thiết bị thi công sẽ được che chắn cẩn thận để tránh nước mưa cuốn theo dầu mỡ, chất rắn lơ lửng.
 - + Thu gom dầu mỡ bôi trơn tại các bãi đỗ xe, các địa điểm đặt thiết bị thi công để tái sử dụng hoặc bán tận dụng, tránh không để chảy tràn hoặc thải tự do ra công trường.
- b) Trong giai đoạn hoạt động:*
 - Đối với nước thải sinh hoạt:
 - + Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Đầu nối vào hệ thống XLNT của nhà máy phía Bắc dự án.
 - + Nước thải nhà ăn, nhà nghỉ cán bộ → Bể tách dầu mỡ → Đầu nối vào hệ thống XLNT của nhà máy.
 - + Nước thải nhà văn phòng, điều hành → Bể tự hoại → Đầu nối vào hệ thống XLNT của nhà máy.
 - + Nước thải sinh hoạt từ các quá trình còn lại → Song chắn rác → Đầu nối vào hệ thống XLNT của nhà máy.
 - Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án được thu gom, xử lý sơ bộ và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $22 m^3/ngày.đêm$ để xử lý.

- Quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải đầu vào → Ngăn điều hòa và kỵ khí (T01) → Ngăn thiếu khí (T02) → Ngăn hiếu khí (T03) → Ngăn lắng và khử trùng (T04) → Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt → Mương nước hiện trạng phía Bắc dự án bằng rãnh BTCT B1200 dài khoảng 70m

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Toàn bộ phân xưởng sản xuất được bố trí có mái che để hạn chế các tác động do nước mưa chảy tràn gây ra.

+ Mạng lưới thu gom nước mưa trên mái: Nước mưa → Ống dẫn PVC → Mương thu gom → Hồ ga cuối phía Bắc → Mương nước hiện trạng cách dự án 70m về phía Bắc.

+ Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn trên mặt đất: Nước mưa → Thẩm một phần vào đất (khu vực đất trống, cây xanh) → Hệ thống rãnh thoát nước BTCT → Hồ ga cuối phía Bắc → Mương nước hiện trạng cách dự án 70m về phía Bắc.

+ Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu, thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn xây dựng

- Áp dụng biện pháp thi công đào, đắp đất theo từng khu vực để hạn chế khối lượng đất đào đắp, san gạt vào cùng một thời điểm nhằm giảm nồng độ bụi phát sinh.

- Đổ đất, cát đắp đến đâu sẽ bố trí các xe ủi, xe lu để tiến hành san gạt và lu chặt đến đó nhằm hạn chế bụi cuốn trên bề mặt công trường.

- Tại các khu vực có khả năng phát tán bụi lớn trên công trường (vị trí tập kết cát, đá dăm...), hạn chế bụi cuốn bằng biện pháp phun nước làm ẩm vào những ngày nắng nóng, có gió. Tần suất phun ẩm tùy thuộc vào điều kiện thời tiết cụ thể, tăng tần suất phun ẩm lên 3 - 4 lần/ngày vào các thời điểm hanh khô, nắng, gió lớn, đặc biệt là vào thời kỳ gió Tây Nam hoạt động mạnh.

- Khi đổ đất phong hóa tại khu vực tập trung thì đổ vào khu vực nào sẽ tiến hành san gạt tạo mặt bằng, che chắn xung quanh nhằm đảm bảo cảnh quan và hạn chế bụi phát sinh vào mùa khô cũng như hạn chế bị nước mưa chảy tràn cuốn trôi vào mùa mưa.

- Tiến hành phun ẩm trong quá trình tập kết đất phong hóa, đặc biệt trong những ngày thời tiết hanh khô.

- Lựa chọn những nhà thầu thi công có máy móc thi công được cơ quan đăng kiểm cấp phép.

- Bố trí lịch thi công hợp lý, không tập trung các phương tiện, máy móc, thiết bị hoạt động cùng lúc tại một địa điểm cố định để hạn chế ô nhiễm cục bộ do cộng hưởng.

- Trước khi thi công sẽ tiến hành dựng rào chắn ngăn cách khu vực công trường với khu vực xung quanh. Che chắn bằng hàng rào tôn lưu động cao 2m tại những khu vực có nồng độ bụi phát thải lớn, đặc biệt vào những ngày thời tiết hanh khô, gió to, có nồng độ bụi phát thải lớn.

- Xây dựng kế hoạch vận chuyển hợp lý về cả số lượng các phương tiện và lộ trình di chuyển; không tập trung nhiều phương tiện vận chuyển vào cùng một thời điểm, trên cùng một tuyến đường; không trút đổ nguyên vật liệu cùng một lúc quá nhiều xe tải gây bụi mù mịt khu vực dự án.

- Thi công nhanh gọn để rút ngắn thời gian ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động để hạn chế ảnh hưởng của bụi, khí thải đến sức khỏe công nhân.

- Bố trí công nhân thường xuyên thu dọn đất, đá phát sinh trên đường vận chuyển để thu gom lượng đất, đá, cát rơi vãi trên đường nhằm hạn chế lượng bụi cuốn phát sinh khi có phương tiện lưu thông qua đây.

b) Trong giai đoạn hoạt động:

- Bụi, khí thải do các phương tiện tham gia giao thông của công nhân:

+ Khu vực nhà dân cách tuyến đường vận chuyển 150m vì vậy việc hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông sẽ không gây ảnh hưởng lớn tới đời sống sinh hoạt của người dân.

+ Xây dựng các loại pano, áp phích phổ biến cho cán bộ nhân viên tham gia giao thông về trách nhiệm bảo vệ môi trường trong quá trình tham gia giao thông.

+ Thường xuyên bảo dưỡng các tuyến đường nội bộ để đảm bảo chất lượng tốt.

- Khí thải, bụi phát sinh trong các công đoạn sản xuất:

+ Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi đi kèm tại các công đoạn sản xuất phát sinh bụi gỗ.

+ Trang bị kính, khẩu trang chuyên dụng và các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân làm việc trực tiếp.

+ Bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng kỹ thuật để giảm thiểu các loại khí thải.

+ Cơ giới hóa sản xuất, tránh lao động gắng sức phải hít thở nhiều bụi và khí thải.

+ Kho bãi, xưởng sản xuất đã được làm nền bê tông và thường xuyên được vệ sinh, tránh phát sinh bụi trong quá trình hoạt động sản xuất và phát tán bụi ra ngoài môi trường;

+ Khu vực nhà xưởng sản xuất đã được bố trí thành các phụ vực chuyên biệt cho từng công đoạn một cách hợp lý, vệ sinh sạch sẽ thường xuyên để giảm thiểu phát tán bụi.

+ Bố trí chụp hút, quạt thông gió, quạt mái toàn nhà xưởng và điều hòa cho các phòng máy, phòng kỹ thuật, văn phòng.

+ Trồng cây xanh có tán, thảm cỏ trong khuôn viên nhà máy với tỷ lệ 28% diện tích nhằm giảm phát tán bụi, điều hòa các yếu tố vi khí hậu.

+ Đối với khí thải: Hệ thống sấy có lắp đặt Cyclone thu hồi triệt để liệu sau sấy. Từ trống sấy đến Cyclone thu hồi liệu là một hệ thống khép kín không phát sinh bụi, nước thải.

c. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả của các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, cụ thể: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 08 - MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 14-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng rác di động 120 lít có nắp đậy tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom, phân loại chất thải phát sinh và hợp đồng

với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định, tần suất 2 lần/tuần.

- **Chất thải rắn xây dựng:** Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái sử dụng, tái chế như sắt, thép loại, vỏ bao xi măng... loại thải được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua tái chế. Đối với các dạng gạch, đá, vữa thải loại... được thu gom và tận dụng vào việc đắp nền mương thoát nước. Các loại không tận dụng được phải thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định. Chất thải xây dựng phải được thu gom, dọn dẹp hoàn toàn sau khi thi công xong bất kỳ hạng mục nào của dự án. Đối với chất thải là đất đá rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển qua khu vực dân cư, chủ đầu tư phối hợp đơn vị thi công cất cử người dọn vệ sinh trên đoạn đường quanh khu vực dự án.

- **Chất thải rắn từ quá trình phát quang cây cối, thảm thực vật:** Gốc, rễ cây còn sót được thu gom, tận dụng để bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua hoặc cho người dân tận dụng phục vụ sinh hoạt. Lượng sinh khối không tận dụng được thì phải thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- **Đối với đất bóc phong hóa:** Vận chuyển đến đổ tại vị trí được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

b) Trong giai đoạn hoạt động:

- **Bố trí các thùng chứa chất thải** có chú thích đầy đủ chức năng của mỗi thùng: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại, đặt tại các khu vực phát sinh chất thải phù hợp.

- **Hướng dẫn công nhân viên cách phân loại chất thải** và thu gom chất thải đúng chủng loại, tính chất của từng chất thải.

- **Mỗi thùng chứa chất thải** được thu gom vào cuối ngày, chuyển về kho chứa chất thải đã được phân chia theo từng khu chứa.

- **Bố trí khu lưu chứa chất thải** diện tích 90m² (6mx15m).

- **Chất thải rắn sinh hoạt:**

+ **Rác thải sinh hoạt** như các loại thực phẩm dư thừa, các loại rau quả, trái cây từ quá trình sinh hoạt được phân loại và thu gom vào các thùng rác 20L có nắp đậy đặt tại khu lưu chứa chất thải rắn thông thường và được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý 2 lần/tuần.

+ **Đối với các thành phần rác thải** có giá trị tái chế như các vỏ chai, lon, các loại bao bì, giấy... sẽ được thu gom riêng bằng thùng rác 20L có nắp đậy lưu chứa trong khu lưu chứa chất thải thông thường để bán cho các đơn vị thu mua làm vật liệu tái chế.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Bụi gỗ thu gom từ hệ thống xử lý bụi được thu gom và tái sử dụng đưa vào sản xuất viên nén gỗ.

+ Tro xỉ từ quá trình đốt dăm gỗ tại lò hơi, bụi tro thu gom từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu gom về các thùng rác 40L có nắp đậy đặt tại khu lưu chứa chất thải rắn thông thường, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý 2 lần/tuần chung với rác sinh hoạt.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác theo đúng quy định, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thực hiện dự án nhằm tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đáp ứng các yêu cầu tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a) Trong giai đoạn xây dựng:

- Không tổ chức thay dầu, sửa chữa xe, máy tại công trường mà thực hiện tại các cơ sở sửa xe, gara chuyên dụng đã đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Bố trí 04 thùng chứa loại 50 lít/thùng sẽ được chứa cho từng loại CTNH riêng biệt. Các thùng chứa CTNH sẽ được đặt trong kho chứa CTNH có diện tích 10m².

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với tần suất thu gom 06 tháng/lần.

- Thực hiện thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Trong giai đoạn hoạt động:

- Bố trí thùng chứa có nắp, dán nhãn và lưu chứa riêng trong khu vực lưu chứa tạm thời CTNH (diện tích 48m²), hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý CTNH để thu gom, vận chuyển đi xử lý.

- Thực hiện thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Định kỳ hằng năm báo cáo công tác quản lý, xử lý chất thải nguy hại tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án gửi về Sở tài nguyên và Môi Trường theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có năng lực thu gom, xử lý theo đúng quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn xây dựng:

- Sử dụng các máy móc, phương tiện đã được đăng kiểm định kỳ nhằm đảm bảo tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép.

- Chú trọng chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc bảo đảm các yêu cầu về cân bằng thiết bị nhằm hạn chế khả năng gây ồn do thiết bị khai thác và vận chuyển sinh ra.

- Lập kế hoạch thi công hợp lý, không sử dụng nhiều máy móc, thiết bị thi công gây tiếng ồn và độ rung lớn cùng một thời điểm nhằm hạn chế các tác động đến sức khỏe người công nhân.

- Công nhân làm việc ở những vị trí có độ ồn lớn sẽ trang bị mũ hoặc nút tai chống ồn nhằm đảm bảo cho công nhân làm việc.

- Không tập trung phương tiện vận chuyển vào cùng một thời gian, nhất là thời gian nhạy cảm (từ 21h đêm đến 6h sáng hôm sau) để giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến môi trường sống của cư dân hai bên tuyến đường vận chuyển.

b) Trong giai đoạn hoạt động:

- Kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị máy móc trên nền nhà xưởng trong quá trình lắp đặt và hiệu chỉnh nếu cần thiết.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị nút chống ồn cho công nhân.

- Bố trí máy bơm dầm phía Nam dự án, tạo khoảng cách với khu dân cư phía Bắc khoảng 350 m để hạn chế ảnh hưởng do tiếng ồn đến người dân.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

4.4. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.

- Lập kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy: trang bị các thiết bị báo cháy và hệ thống chữa cháy để đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy; thường xuyên kiểm tra đường dây, thiết bị điện trong quá trình hoạt động của dự án.

- Bố trí cán bộ, công nhân thường xuyên giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý chất thải, kịp thời xử lý khi có sự cố.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư trong giai đoạn xây dựng và đi vào hoạt động

5.1. Giai đoạn xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn

- Các chỉ tiêu giám sát: NO₂, SO₂, CO, bụi, tiếng ồn, độ rung.

- Vị trí lấy mẫu: 02 mẫu không khí.

+ K1: Mẫu không khí lấy tại khu vực lập dự án.

+ K2: Mẫu không khí lấy tại khu dân cư cách dự án 150m về phía Bắc.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng, bao gồm:

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Các chỉ tiêu giám sát: pH, DO, BOD₅, COD, TSS, Nitrit (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Amoni, Photphat (tính theo P).

- Vị trí giám sát:

+ NM: Mẫu nước mặt lấy tại nương nước hiện trạng, cách khu vực dự án 100 m về phía Bắc.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08 - MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.1.3 Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, vị trí.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ, tập kết chất thải rắn thông thường

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục trong quá trình thi công.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.1.4. Giám sát công tác thực hiện các biện pháp bảo đảm sức khỏe an toàn trong xây dựng và các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.1.5. Giám sát các công trình môi trường khác

- Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực Dự án.

- Nội dung giám sát: các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

5.2. Giám sát trong giai đoạn hoạt động

5.2.1. Giám sát khí thải công nghiệp:

* Giám sát khí thải sau hệ thống xử lý bụi trong xưởng sản xuất

- Thông số: Bụi tổng, lưu lượng

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói thoát khí thải ra môi trường (Sau hệ thống xử lý bụi)

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

* *Giám sát khí thải công nghiệp sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số: Lưu lượng, bụi tổng, CO, SO₂, NO₂.

- Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói thoát khí thải ra môi trường (Sau hệ thống xử lý bụi, khí thải). Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

5.2.2. Giám sát chất lượng không khí

- Các chỉ tiêu giám sát: NO₂, SO₂, CO, bụi.

- Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu không khí lấy tại khu vực xung quanh công đoạn nghiền, sấy.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng, bao gồm:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

5.2.3. Giám sát môi trường tiếng ồn và độ rung

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực nhà xưởng;

+ Trong khuôn viên khu vực dự án;

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2.4. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: Tại điểm xả thải của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt, BOD₅, TSS, TDS, NO₃⁻, Coliform.

- Tần số quan trắc: 3 tháng/lần.

- Thiết bị và phương pháp lấy mẫu: Phù hợp theo QCVN hiện hành.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.2.5. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, vị trí.
- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ, tập kết chất thải rắn thông thường
- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục trong quá trình thi công.
- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2.6. Giám sát công tác thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.
- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

6.1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, mùi hôi, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng ngừa và giám sát, theo dõi liên tục các hiện tượng mất an toàn, các tác động tiêu cực tại khu vực dự án và lân cận trong quá trình thực hiện dự án; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng mất an toàn, chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động có liên quan, khẩn trương đưa người và tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị, địa phương liên quan để được

hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

6.3. Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.


6.4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan xác định chính xác ranh giới thực hiện dự án; Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông; cải tạo, sửa chữa, khôi phục các công trình hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng, xuống cấp được xác định do hoạt động của dự án.

6.5. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp cải thiện môi trường lao động, trang bị và sử dụng bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc.

6.6. Thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.7. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định.

6.8. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định./



II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thừa đất số: 252, tờ bản đồ số: 25
- Địa chỉ: Thôn Nam Định, xã Phú Định, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Diện tích: 83583,2 m², (bằng chữ: Tám mươi ba nghìn năm trăm tám mươi ba phẩy hai mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 25 tháng 3 năm 2070
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



TỈ LỆ 1:5000

Quảng Bình, ngày 31 tháng 7 năm 2024
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH QUẢNG BÌNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trung Hoài

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BVN QUẢNG BÌNH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3101128428, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2024, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 01 năm 2024

Cơ quan ký: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nam Định, xã Phú Định, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



4 4 1 9 1 7 4 2 4 0 6 7 5 0 8

ĐO 877961

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **M3** /HĐTD

Quảng Bình, ngày **04** tháng **10** năm 2024

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính thuê đất để thực hiện Dự án Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm tại xã Phú Định, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DO 877961, do Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư BVN Quảng Bình ngày 31/7/2024 do chia tách doanh nghiệp.

Hôm nay, ngày **04** tháng **10** năm 2024, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình, chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT LÀ UBND TỈNH QUẢNG BÌNH - SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Do ông: **Trần Văn Khương**

Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện;

Trụ sở đóng tại: Số 39 đường Trần Quang Khải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;

Điện thoại: 0232.3823810.

II. BÊN THUÊ ĐẤT LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BVN QUẢNG BÌNH

Do ông: **Vũ Quang Sáng**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện;

Trụ sở đóng tại: thôn Nam Định, xã Phú Định, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Mã số doanh nghiệp: 3101128428.



III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê thửa đất như sau:

1. Diện tích thửa đất **83.583,2 m²** (Tám mươi ba nghìn năm trăm tám mươi ba phẩy hai mét vuông) tại thôn Nam Định, xã Phú Định, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Vị trí, ranh giới thửa đất được xác định theo Bản chính lý địa chính thửa đất số 252, tờ bản đồ địa chính số 25, xã Phú Định, do Công ty TNHH Tư vấn dịch vụ Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/9/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình duyệt ngày 25/9/2023.

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 25 tháng 3 năm 2070.

4. Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất: Theo Thông báo nộp tiền thuê đất của cơ quan Thuế.

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày: theo Thông báo của cơ quan Thuế.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Theo Thông báo nộp tiền thuê đất của cơ quan Thuế.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi (chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê, ...) thì người sử dụng đất được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng thuê đất số 90/HĐTD ngày 10/11/2023 đã được ký kết giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình với Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính hết hiệu lực kể từ ngày 31/7/2024.



Vũ Quang Sáng



Trần Văn Khương



Bố Trạch, ngày 19 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 755 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính.

- Người đại diện: Ông: Trần Quang Việt. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Địa chỉ: Số 34, Tổ 3, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm.

2.1. Thông tin chung

- Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ Phần Tư vấn thiết kế & xây dựng VKC.

- Đơn vị thẩm tra thiết kế: Công ty TNHH TV&XD Quốc tế An Phúc.

- Đơn vị thẩm định Báo cáo NCKT: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình.

- Định vị công trình: Mặt bằng định vị các công trình kèm theo hồ sơ cấp giấy phép xây dựng (công trình xây dựng phải nằm trong khuôn viên đất được phép sử dụng). *(Có bản vẽ hồ sơ cấp phép xây dựng kèm theo).*

2.2. Các nội dung cụ thể: Các công trình được xây dựng trên thửa đất số 525, tờ bản đồ số 25, tại thôn Nam Định, xã Phú Định, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Diện tích thửa đất: 83.583,2m². Mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

2.2.1. Nhà điều hành

- Loại; Cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp III.

- Số lượng: 01 công trình.

- Mật độ xây dựng: 0,52%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0052$ lần.

- Diện tích xây dựng: 437,5 m².

- Tổng diện tích sàn: 437,5m².

- Chiều cao công trình: 7,1m.

- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,50m.

- Số tầng: 01 tầng.

2.2.2. Nhà ăn + nhà nghỉ

- Loại; Cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp III.

- Số lượng: 01 công trình.

- Mật độ xây dựng: 0,81%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0081$ lần.

- Diện tích xây dựng: 680,36 m².

- Tổng diện tích sàn: 680,36 m².

- Chiều cao công trình: 7,1m.

- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,50m.

- Số tầng: 01 tầng.

2.2.3. Khu vực bãm dãm

- Loại; Cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp III.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 10,12%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,1012$ lần.
- Diện tích xây dựng: 8.456,0 m².
- Tổng diện tích sàn: 8.456,0 m².
- Chiều cao công trình: 17,2m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,25m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.4. Khu vực sãy

- Loại; Cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp III.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 1,87%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0187$ lần.
- Diện tích xây dựng: 1.566,0 m².
- Tổng diện tích sàn: 1.566,0 m².
- Chiều cao công trình: 17,2m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,25m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.5. Khu vực sàn trượt, nghiêng

- Loại; Cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp III.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 1,87%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0187$ lần.
- Diện tích xây dựng: 1.566,0 m².
- Tổng diện tích sàn: 1.566,0 m².
- Chiều cao công trình: 17,2m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,25m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.6. Khu vực ép viên

- Loại; Cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp III.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 2,51%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0251$ lần.
- Diện tích xây dựng: 2.100,0 m².
- Tổng diện tích sàn: 2.100,0 m².
- Chiều cao công trình: 17,2m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,25m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.7. Khu vực kho tạm

- Loại; Cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp III.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 5,17%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0517$ lần.
- Diện tích xây dựng: 4.320,0 m².
- Tổng diện tích sàn: 4.320,0 m².
- Chiều cao công trình: 17,2m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,20m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.8. Nhà trạm biến áp số 1

- Loại; Cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp III.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 0,19%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0019$ lần.
- Diện tích xây dựng: 159,0 m².
- Tổng diện tích sàn: 159,0 m².
- Chiều cao công trình: 5,1m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,15m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.9. Nhà trạm biến áp số 2

- Loại; Cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp III.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 0,07%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0007$ lần.
- Diện tích xây dựng: 55,65 m².
- Tổng diện tích sàn: 55,65 m².
- Chiều cao công trình: 5,1m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,15m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.10. Nhà trạm bơm bể nước sinh hoạt

- Loại; Cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp IV.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 0,03%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0003$ lần.
- Diện tích xây dựng: 25,0 m².
- Tổng diện tích sàn: 25,0 m².
- Chiều cao công trình: 3,6m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,15m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.11. Nhà trạm bơm phòng cháy chữa cháy

- Loại; Cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp IV.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 0,07%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0007$ lần.
- Diện tích xây dựng: 60,0 m².
- Tổng diện tích sàn: 60,0 m².
- Chiều cao công trình: 3,6m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,15m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.12. Nhà vệ sinh

- Loại; Cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp IV.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 0,05%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0005$ lần.
- Diện tích xây dựng: 40,95 m².
- Tổng diện tích sàn: 40,95 m².
- Chiều cao công trình: 3,6m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,30m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.13. Nhà quản lý trạm cân

- Loại; Cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp IV.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 0,02%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0002$ lần.
- Diện tích xây dựng: $16,00 \text{ m}^2$.
- Tổng diện tích sàn: $16,00 \text{ m}^2$.
- Chiều cao công trình: 3,6m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,15m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.13. Nhà sửa chữa cơ khí

- Loại; Cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp III.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 1,07%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0107$ lần.
- Diện tích xây dựng: $896,0 \text{ m}^2$.
- Tổng diện tích sàn: $896,0 \text{ m}^2$.
- Chiều cao công trình: 9,5m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,15m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.14. Nhà cột bơm dầu

- Loại; Cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp IV.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 0,02%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0002$ lần.
- Diện tích xây dựng: $19,36 \text{ m}^2$.
- Tổng diện tích sàn: $19,36 \text{ m}^2$.
- Chiều cao công trình: 5,1m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,20m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.15. Nhà chứa rác thải nguy hại

- Loại; Cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp IV.
- Số lượng: 01 công trình.
- Mật độ xây dựng: 0,12%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0012$ lần.
- Diện tích xây dựng: $97,5 \text{ m}^2$.
- Tổng diện tích sàn: $97,5 \text{ m}^2$.
- Chiều cao công trình: 4,55m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,20m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.16. Nhà bảo vệ

- Loại; Cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp IV.
- Số lượng: 02 công trình.
- Mật độ xây dựng: 0,02%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0002$ lần.
- Diện tích xây dựng: $16,0 \text{ m}^2$.
- Tổng diện tích sàn: $16,0 \text{ m}^2$.
- Chiều cao công trình: 3,6m.
- Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,50m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.2.16. Chòi nghỉ

- Loại; Cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp IV.
- Chòi nghỉ số 1, chòi nghỉ số 2.
- + Số lượng: 02 công trình.
- + Mật độ xây dựng: 0,05%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0005$ lần.
- + Diện tích xây dựng/công trình: $22,09\text{m}^2/\text{công trình}$; Tổng diện tích xây dựng: $44,18\text{m}^2$.
- + Diện tích sàn/công trình: $22,09\text{ m}^2/\text{công trình}$; Tổng diện tích sàn: $44,18\text{m}^2$.
- + Chiều cao công trình: 3,0m.
- + Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,45m.
- + Số tầng: 01 tầng.
- Chòi nghỉ số 3.
- + Số lượng: 01 công trình.
- + Mật độ xây dựng: 0,01%; Hệ số sử dụng đất: $K = 0,0001$ lần.
- + Diện tích xây dựng: $10,0\text{ m}^2$.
- + Tổng diện tích sàn: $10,0\text{ m}^2$.
- + Chiều cao công trình: 3,825m.
- + Chiều cao cốt nền công trình so với cao độ nền sân: +0,20m.
- + Số tầng: 01 tầng.

2.2.17. Các hạng mục phụ trợ khác: Hệ thống mương thoát nước mưa; Hàng rào; Hệ thống sân vườn cảnh quan; Hệ thống chiếu sáng sân đường; Bể nước sinh hoạt; bể nước mưa số 1; bể nước mưa số 2; bể nước làm mát; hồ nước PCCC; hồ thu nước PCCC; trạm cân vào; trạm cân ra; bồn chứa dầu; bể lắng; trạm xử lý chất thải; sân tập kết vật liệu ngoài trời; đường giao thông.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan khác

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp cho Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính được UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 20/11/2023. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: CT14595. Diện tích thửa đất: $83.583,2\text{m}^2$. Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

- Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm của Công ty TNHH TM&XD Trung Chính; Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm của Công ty TNHH TM&XD Trung Chính.

- Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt QHCT xây dựng Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm, tỷ lệ 1/500; Quyết định số 3633/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm, tỷ lệ 1/500.

- Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 171/TD-PCCC ngày 15/4/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Bình.

- Báo cáo kết quả thẩm định số 2708/SXD-QLXD ngày 20/10/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén công suất 200.000 tấn/năm.

- Báo cáo thẩm tra số 104/2024/API ngày 01/04/2024 của Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Quốc tế An Phúc về việc báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dự án Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm.

- Quyết định số 2610/2023/QĐ-ĐT ngày 26/10/2023 của Công ty TNHH TM&XD Trung Chính về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm.

- Quyết định số 25a/2024/ĐT-TC ngày 05/4/2024 của Công ty TNHH TM&XD Trung Chính về việc phê duyệt bản vẽ thi công dự án Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng: Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi Cục Thuế huyện Bố Trạch;
- UBND xã Phú Định;
- Lưu: VT, KT-HT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Quốc Thanh

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:.....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:.....

Bố Trạch, ngày tháng năm 20..
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Quảng Bình, ngày 04 tháng 05 năm 2025

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

SỐ: 01/NTHTSD

* Công trình: Nhà máy chất đốt sinh khối dạng viên nén, công suất 200.000 tấn/năm.

* Gói thầu số 22/XD: : Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ khí, đấu nối và thiết bị phụ trợ dây chuyền sản xuất viên gỗ nén

* Địa điểm xây dựng: xã Phú Định, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

* Đối tượng nghiệm thu: Nghiệm thu hoàn thành hạng mục nhà bơm phòng cháy chữa cháy đưa vào sử dụng.

1. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư BVN Quảng Bình

- Ông: Vũ Quang Sáng

Chức vụ: Giám đốc

- Ông: Hồ Đức Hữu

Chức vụ: Trưởng ban xây dựng

c. Đại diện nhà thầu thi công: Công ty TNHH một thành viên Song Hùng Thịnh

- Ông: Quách Hải Sơn

Chức vụ: Giám đốc

- Ông: Nguyễn Quang Hòa

Chức vụ: Chỉ huy trưởng

2. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 09 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 05 năm 2025

- Kết thúc: 10 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 05 năm 2025

- Địa điểm: Tại công trình.

3. Đánh giá công trình xây dựng:

a. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng thi công số 01-SHT/BVN QB/02-2024/HĐKT và 02-SHT/BVN QB/02-2024/HĐKT;

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Chủ đầu tư thẩm định và phê duyệt;

- Biên bản nghiệm thu các công việc xây dựng;

- Nhật ký thi công xây dựng công trình và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Bản vẽ hoàn công công trình xây dựng;

- Hồ sơ chất lượng (Bao gồm cả biên bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục công trình);

- Báo cáo hoàn thành công tác thi công xây dựng;

- Nhật ký thi công xây dựng công trình;

- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng chống cháy, nổ; an toàn môi trường; an toàn vận hành theo quy định;

- Các kết quả thí nghiệm;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu:
- + Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- + TCVN 5308-1991: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng;
- + TCVN 4055-2012: Công trình xây dựng. Tổ chức thi công;
- + TCVN 5639:1991 về nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong;
- + Các tiêu chuẩn, quy phạm thi công khác liên quan do nhà nước ban hành.
- Các kết quả thí nghiệm.

b. Chất lượng:

- Đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, yêu cầu kỹ thuật của công trình và các biên bản nghiệm thu công việc: Chất lượng, khối lượng thi công đạt yêu cầu

c. Các ý kiến khác (nếu có): không

4. Kết luận: Đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng

Đ/D CHỦ ĐẦU TƯ

Giám đốc



Vũ Quang Sáng

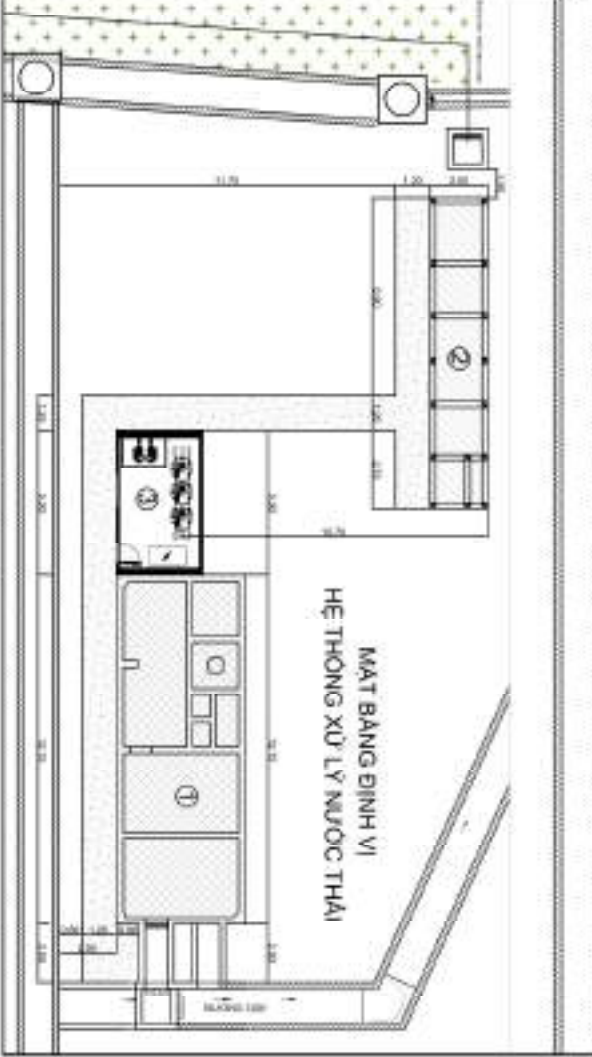
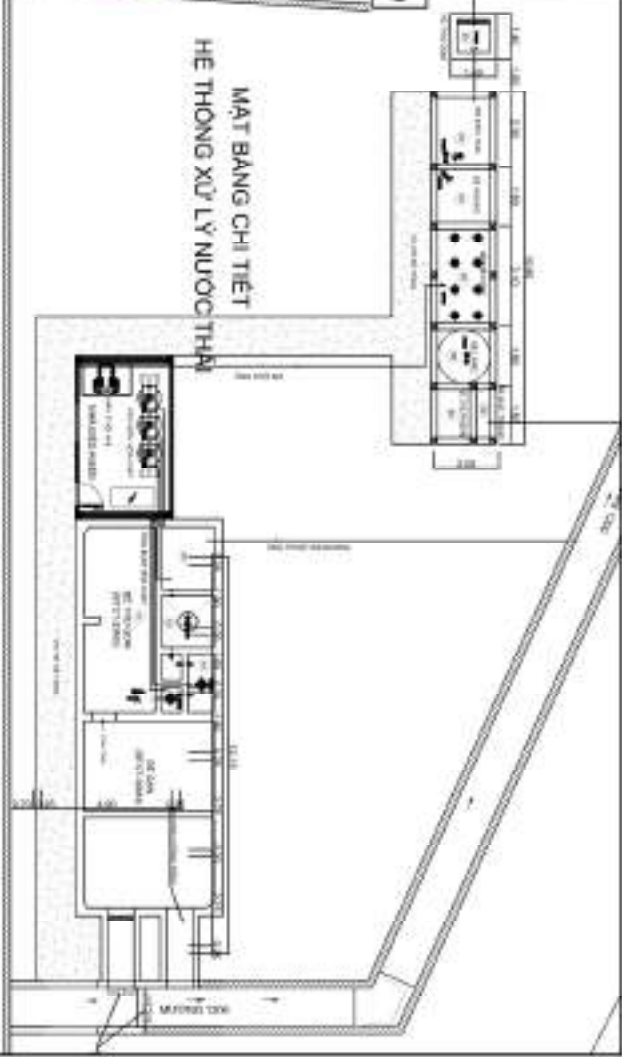
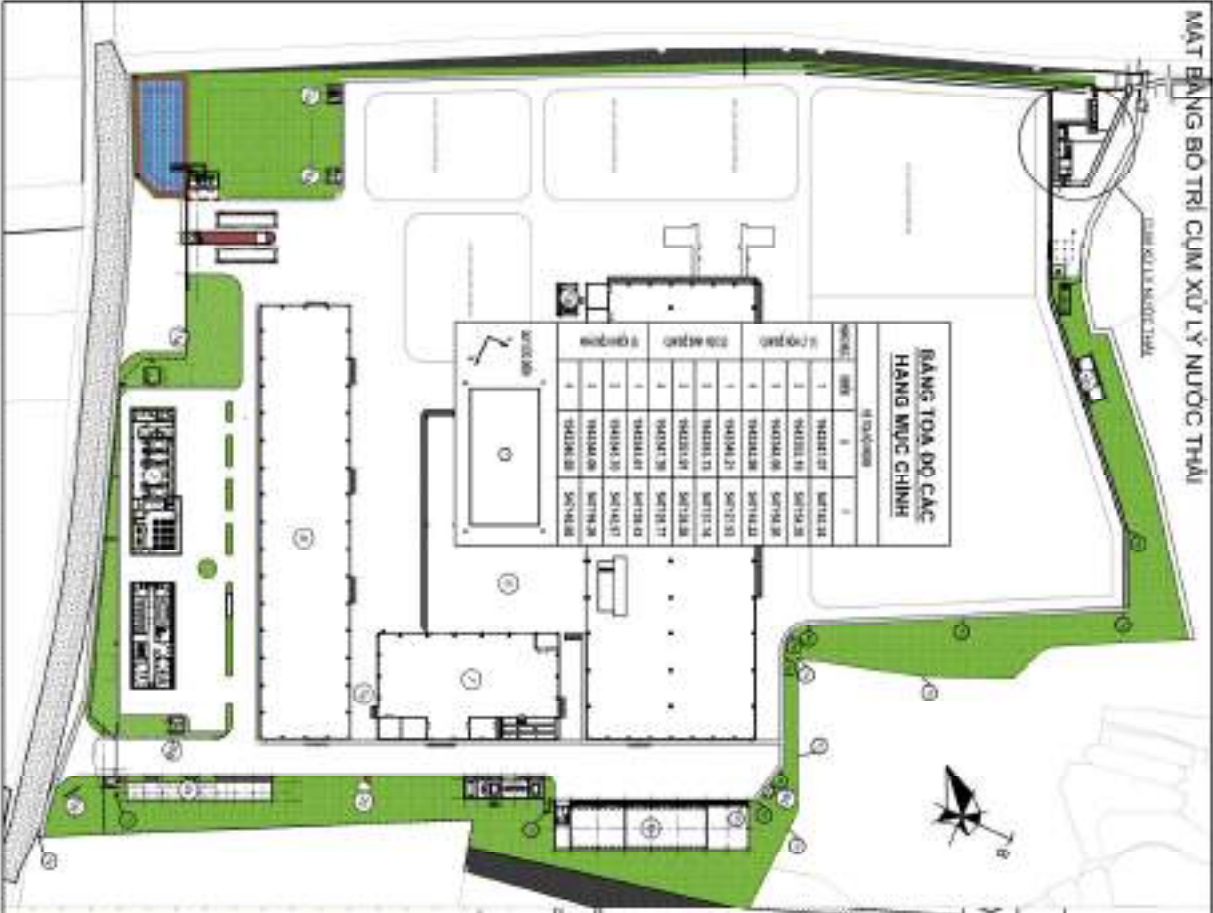
Đ/D NHÀ THẦU THI CÔNG

Giám đốc



Quách Hải Sơn

MẶT BẰNG BỘ TRỊ CỤM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

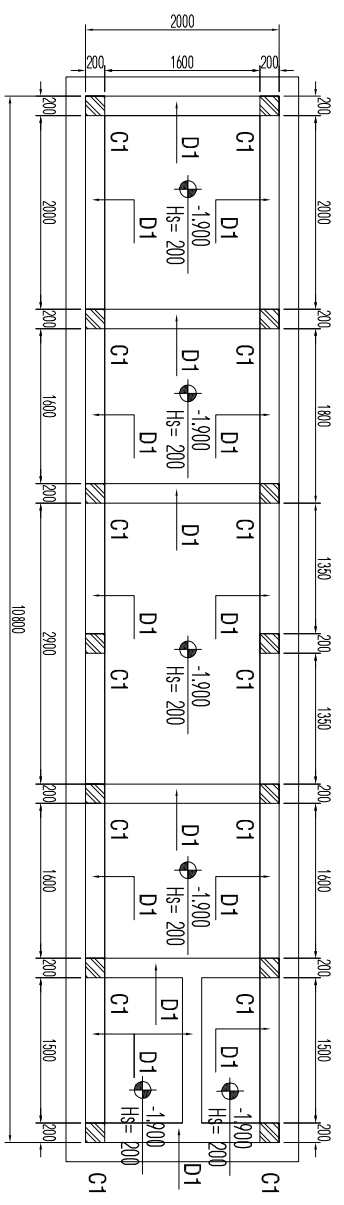


<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>		<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>		<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>		<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>		<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>	
<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>	<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>	<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>	<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>	<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>	<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>	<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>	<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>	<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>	<p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p> <p>CHỖ TRỞ DỖ VÀ CÁC THIẾT BỊ</p>

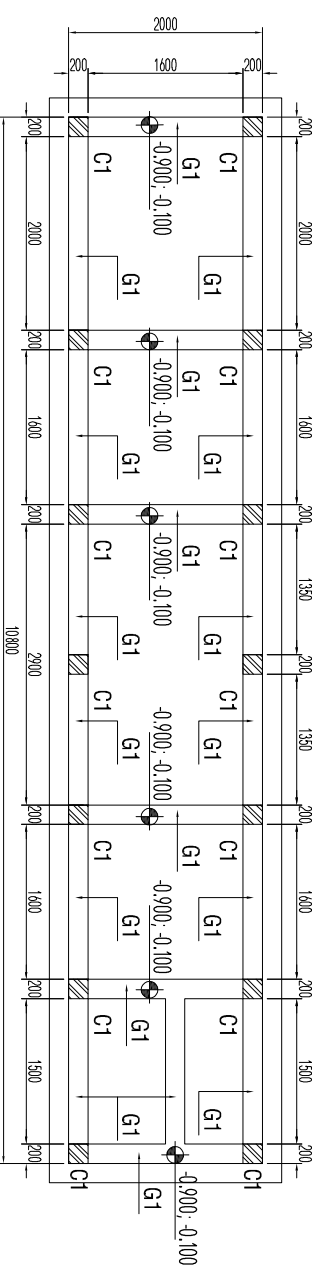
Handwritten signature

Handwritten signature

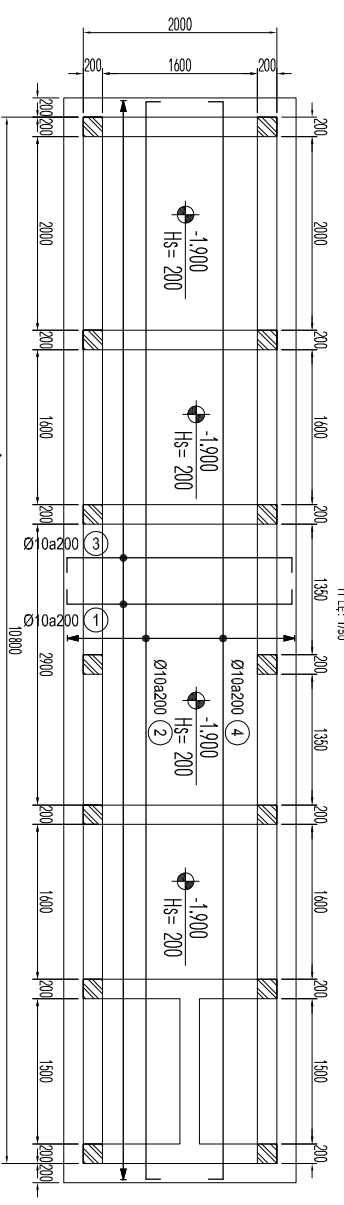
THÔNG TIN KHÁCH HÀNG
 CÔNG TY TNHH...
 SỐ QUÂN QUẢN LÝ...
 SỐ QUÂN QUẢN LÝ...
 SỐ QUÂN QUẢN LÝ...



MẶT BẰNG KẾT CẤU CỘT, DẦM DÂY D1 CAO ĐỘ -1.700



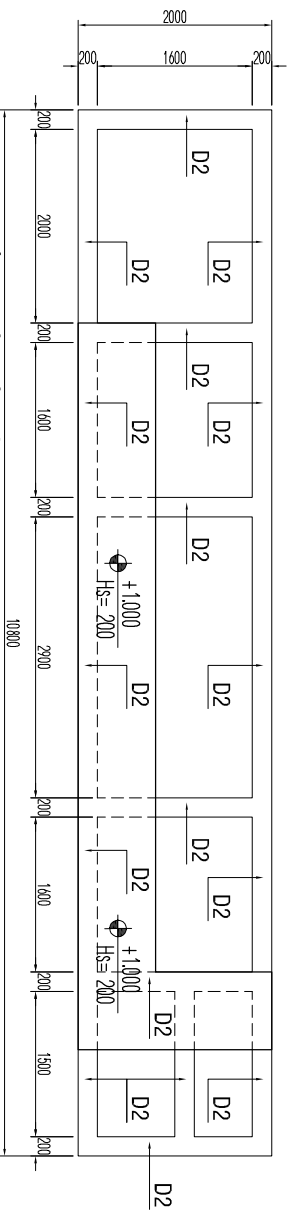
MẶT BẰNG KẾT CẤU CỘT, GIẰNG G1 CAO ĐỘ -0.900; -0.100



MẶT BẰNG THÉP BÀN DÂY CAO ĐỘ -1.900

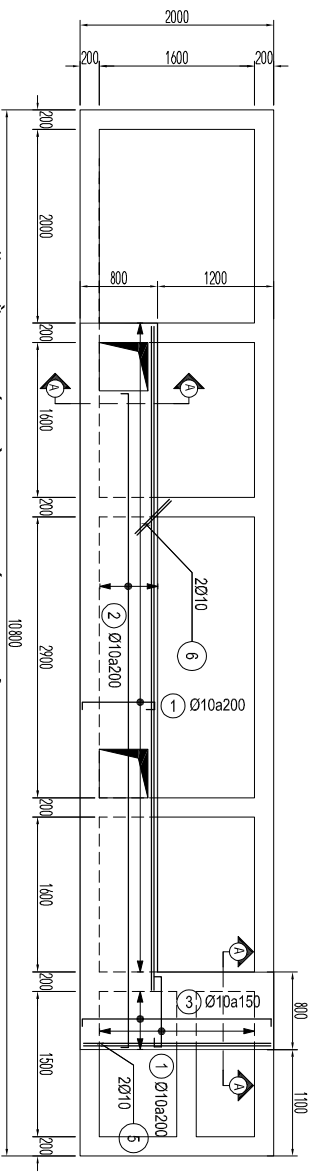
ĐẶC TRƯNG VẬT LIỆU	
BÊ TÔNG	- BÊ TÔNG LỚT: SỬ DỤNG BÊ TÔNG M100 DÀY 100MM - BÊ TÔNG BỀ : BÊ TÔNG THƯỜNG PHẨM DÀ 1x2, M250 (B20)
CỘT THÉP	- CỘT THÉP TRON Ø<10: CB240-T; R _s = 2100 KG/CM ² - CỘT THÉP VẠN Ø>=10: CB400-V; R _s = 3500 KG/CM ²

STT	MÔ TẢ	SỐ QUẢN LÝ THIẾT KẾ	CHỖ TRẠI THIẾT KẾ	CHỖ TRẠI THIẾT KẾ	QUẢN LÝ KẾT	KS. NGƯỜI VẤN TƯ	TÊN BAN VỆ	ĐỊA CHỖ THIẾT KẾ	THỜI GIAN SỐ BỊ
01	BÀN KẾ THIẾT KẾ MẶT BẰNG	<input type="checkbox"/>	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ QUANG BÌNH ĐỊA CHỖ: XÃ PHU ĐÌNH, HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ QUANG BÌNH ĐỊA CHỖ: XÃ PHU ĐÌNH, HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH	THIẾT KẾ	KS. TRẦN VĂN DŨNG	TRẦN VĂN DŨNG	DỰ ÁN NHÀ MẦY CHẤT ĐÓT SINH KHỐI ĐANG VIÊN MẸN CÔNG SUẤT 200.000 TẤN/ NĂM ĐỊA CHỖ: XÃ PHU ĐÌNH, HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH	AT-BVN-TKVT-CO-XD
02	BÀN KẾ THIẾT KẾ CỘT	<input type="checkbox"/>	TỔNG GIÁM SỐC	TỔNG GIÁM SỐC	VIỆ	KS. HỒNG THẠCH BẢO	HỒNG THẠCH BẢO	CỘM BÊ TÔNG HỢC MẪU KẾT CẤU DẦM D1; MẪU KẾT CẤU GIẰNG D1; KẾT CẤU THÉP BÀN DÂY	859-KC-D1
03	BÀN KẾ THIẾT KẾ MẶT BẰNG	<input type="checkbox"/>				KS. NGUYỄN VĂN TỰ	NGUYỄN VĂN TỰ		07
04	BÀN KẾ THIẾT KẾ HỒ DÒNG	<input checked="" type="checkbox"/>							12-2024



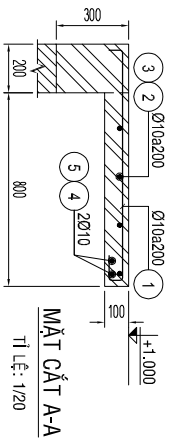
MẶT BẰNG KẾT CẤU DẦM, SÀN THAO TẮC CAO ĐỘ +1.000

TỈ LỆ: 1:50



MẶT BẰNG THÉP SÀN THAO TẮC CAO ĐỘ +1.000

TỈ LỆ: 1:50



MẶT CẮT A-A
TỈ LỆ: 1:20

ĐẶC TRƯNG VẬT LIỆU	
BÊ TÔNG	- BÊ TÔNG LỚT: SỬ DỤNG BÊ TÔNG M100 DÀY 100MM - BÊ TÔNG BÊ: BÊ TÔNG THƯỜNG PHẨM DÀ 1X2, M250 (B20)
CỘT THÉP	- CỘT THÉP TRON Ø<10: CB240-T; RS = 2100 KG/CM ² - CỘT THÉP VẪN Ø>=10: CB400-V; RS = 3500 KG/CM ²

STT	MÔ TẢ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
01	BÀN KẾ THIẾT KẾ MẶT BẰNG		
02	BÀN KẾ THIẾT KẾ CỘT		
03	BÀN KẾ THIẾT KẾ MẶT CẮT		
04	BÀN KẾ THIẾT KẾ MẶT DẦM		

CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TY CỔ PHẦN MỘT THÀNH VIÊN QUANG BÌNH	ĐỊA CHỈ: SỐ 40 NGUYỄN VĂN QUANG, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM
TỔNG GIÁM ĐỐC		
TRƯỞNG THIẾT KẾ	CÔNG TY CỔ PHẦN MỘT THÀNH VIÊN AN THÀNH	ĐỊA CHỈ: SỐ 40 NGUYỄN VĂN QUANG, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM
THIẾT KẾ		
CHỈ ĐẠO THIẾT KẾ		
KS. TRẦN VĂN DŨNG		
KS. TRẦN VĂN DŨNG		
KS. HỒNG TRUNG BẢO		
QUẢN LÝ KẾT CẤU		
KS. NGUYỄN VĂN TU		
CÔNG TRÌNH	DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẤT ĐÓT SINH KHỐI DANG VIÊN	
TÊN BẢN VẼ	MẪN CÔNG SUẤT 200.000 TẤN/ NĂM	
	ĐỊA CHỈ XÂY DỰNG: HƯNG HỘ TRẠCH, THỊ QUANG BÌNH	
	CỘT BÊ SƠN HỢC	
	MIB KẾT CẤU DẦM SÀN CAO ĐỘ +1.000	
	MIB THÉP SÀN CAO ĐỘ +1.000	
THỜI GIAN THIẾT KẾ	AT-BVN-KT-VTC-XD	
SẢN VẼ SỐ	859-KC-02	
TỔNG SỐ BẢN VẼ	07	
NGÀY HIẾT KẾ	12/2024	
ĐỊA CHỈ		

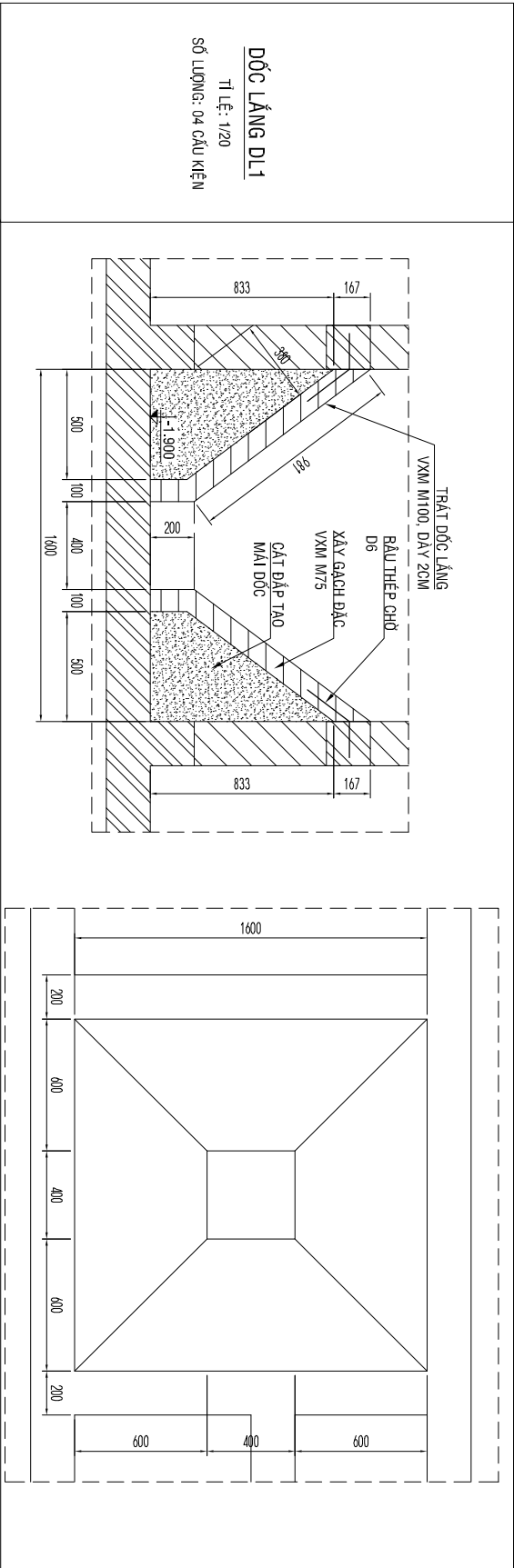
CHI TIẾT CỘT C1	
CỘT C1-200x200 TỈ LỆ: 1/20 SỐ LƯỢNG: 14 CẦU KIẾN	
TÊN CỘT CAO ĐỘ	TỪ COS: -1.900 ĐẾN COS +1.00 CHIỀU CAO CỘT h = 2.9m
CHI TIẾT DẦM D1	
DẦM D1-200x400 TỈ LỆ: 1/20 SỐ LƯỢNG: 01 CẦU KIẾN	
TÊN DẦM CAO ĐỘ	COS: -1.600

CHI TIẾT GIÀNG G1	
GIÀNG G1-200x200 TỈ LỆ: 1/20 SỐ LƯỢNG: 02 CẦU KIẾN	
TÊN GIÀNG CAO ĐỘ	COS: -0.800; 0.000
CHI TIẾT DẦM D2	
DẦM D2-200x300 TỈ LỆ: 1/20 SỐ LƯỢNG: 01 CẦU KIẾN	
TÊN DẦM CAO ĐỘ	COS: +1.000

ĐẶC TRƯNG VẬT LIỆU	
BÊ TÔNG	- BÊ TÔNG LỚT: SỬ DỤNG BÊ TÔNG M100 DÀY 100MM - BÊ TÔNG BỀ : BÊ TÔNG THƯỜNG PHẢIM DÀ 1x2, M250 (B20)
CỘT THÉP	- CỘT THÉP TRON Ø<10: C8240-T; Rs = 2100 KG/CM ² - CỘT THÉP VẠN Ø>=10: C8400-V; Rs = 3500 KG/CM ²

STT	MÔ TẢ	SỐ QUẢN LÝ CHỈ	CHỖ ĐẤU TRÚC	TÊN VÀ CHỨC VỤ	CHỮ KÝ	CHỖ ĐẤU TRÚC	TÊN VÀ CHỨC VỤ	CHỖ ĐẤU TRÚC	TÊN VÀ CHỨC VỤ	CHỖ ĐẤU TRÚC	TÊN VÀ CHỨC VỤ								
01	BẢN KẾ THIẾT KẾ MẶT LỀ	<input type="checkbox"/>	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ QUANG BÌNH ĐỊA CHỈ: 45 PHƯỜNG QUANG BÌNH, QUẬN QUANG BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH	TRƯỞNG THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ QUANG BÌNH ĐỊA CHỈ: 45 PHƯỜNG QUANG BÌNH, QUẬN QUANG BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH		CHỦ THIẾT KẾ KS. TRẦN VĂN DŨNG		CÔNG TRÌNH DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẤT ĐÓT SINH KHỐI ĐANG VIÊN MẸN CÔNG SẮT 200.000 TẤN/ĐẦM ĐỊA CHỈ: XÃ PHU ĐÌNH, HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH	CHỖ ĐẤU TRÚC AT-BVM-TKVT-GC-XD	ĐỒ THIẾT KẾ SỐ QUẢN LÝ: 07	NGÀY HI: 12/2024 BỊG/M&U								
02	BẢN KẾ THIẾT KẾ CỘT	<input type="checkbox"/>										TRƯỞNG QUẢN LÝ KS. TRẦN VĂN DŨNG		CHỖ ĐẤU TRÚC KS. HƯƠNG TRỌNG BẢO		CHỖ ĐẤU TRÚC KẾT CẤU THÉP CỘT, DẦM, GIÀNG BỀ			
03	BẢN KẾ THIẾT KẾ MẶT MĂNG	<input type="checkbox"/>										QUẢN LÝ HI KS. NGUYỄN VĂN TU						CHỖ ĐẤU TRÚC KS. NGUYỄN VĂN TU	
04	BẢN KẾ THIẾT KẾ MẶT ĐỒ	<input checked="" type="checkbox"/>										QUẢN LÝ HI KS. NGUYỄN VĂN TU							

CHI TIẾT ĐỐC LĂNG DL1

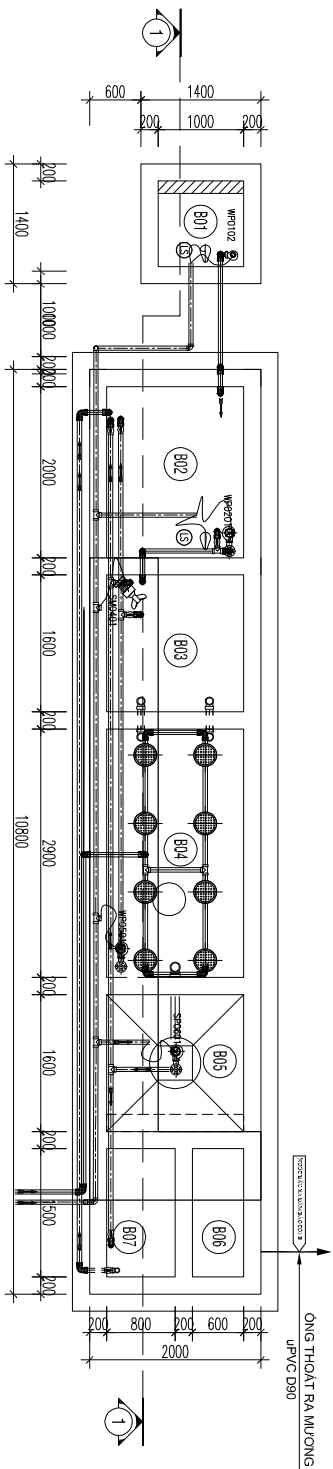


TÊN CẤU KIỆN
CAO ĐỘ

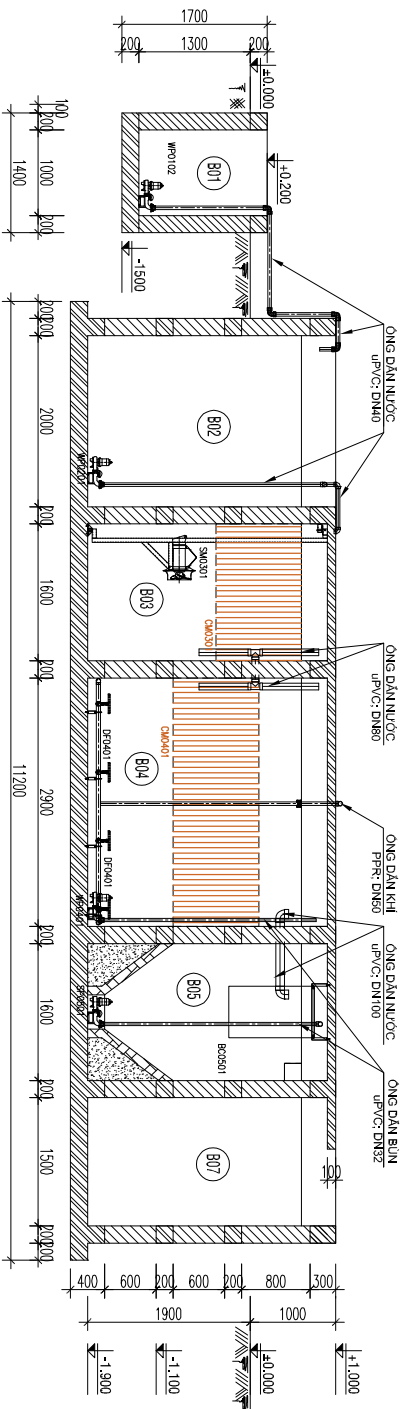
COS: -1.900

ĐẶC TRƯNG VẬT LIỆU	
BÊ TÔNG	- BÊ TÔNG LỚT: SỬ DỤNG BÊ TÔNG M100 ĐẦY 100MM - BÊ TÔNG BỀ: BÊ TÔNG THƯỜNG PHẪM ĐÁ 1x2, M250 (B20)
CỘT THÉP	- CỘT THÉP TRON Ø<10: CB240-T: Rs = 2100 KG/cm ² - CỘT THÉP VẠN Ø>=10: CB400-V: Rs = 3500 KG/cm ²

STT	MÔ TẢ	SC QUẢN LÝ	CHỖ ĐẤU TR	TÊN VÀ CHỨC VỤ	CHỖ TRỊ THIẾT KẾ	TÊN VÀ CHỨC VỤ	CHỖ TRỊ THIẾT KẾ	TÊN VÀ CHỨC VỤ	CHỖ TRỊ THIẾT KẾ	TÊN VÀ CHỨC VỤ				
01	BẢN KẾ THIẾT KẾ MẶT AN	<input type="checkbox"/>	CÔNG TY CỔ PHẦN BÙN QUẢNG BÌNH ĐỊA CHỈ: SỐ 400 ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỘ THẠCH, THỊNH QUẢNG BÌNH	TỔNG GIÁM ĐỐC	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN THÀNH ĐỊA CHỈ: SỐ 40 TRẠNG PHỒ, THỊ SÀI GÒN MỚI, QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	THÀNH TÍCH ĐỒ THỊ AN THÀNH	K.S. TRẦN VĂN DŨNG	<i>[Signature]</i>	CÔNG TRÌNH	DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẤT ĐÓT SINH KHỐI ĐANG VIÊN MẸN CÔNG SUẤT 200.000 TẤN/ NĂM ĐỊA CHỈ: XÃ PHU ĐÌNH, HUYỆN BỐ TRẠCH, THỊNH QUẢNG BÌNH	HỖ SƠ THIẾT KẾ AT-BVN-TKVT-GX-D			
02	BẢN KẾ THIẾT KẾ CỘT	<input type="checkbox"/>										THÀNH TÍCH ĐỒ THỊ AN THÀNH	K.S. TRẦN VĂN DŨNG	<i>[Signature]</i>
03	BẢN KẾ THIẾT KẾ MẶT AN 2/00	<input type="checkbox"/>										THÀNH TÍCH ĐỒ THỊ AN THÀNH	K.S. HỒNG TRỌNG BẢO	<i>[Signature]</i>
04	BẢN KẾ THIẾT KẾ HỒ DÒNG	<input checked="" type="checkbox"/>										THÀNH TÍCH ĐỒ THỊ AN THÀNH	K.S. NGUYỄN VĂN TỰ	<i>[Signature]</i>
			NGƯỜI VẤN TƯ	<i>[Signature]</i>	TÊN BẢN VẼ	CỘT BÊ SINH HỐC KẾT CẤU ĐỐC LĂNG DL1		SẢN VẼ SỐ 834-KC-04	TỔNG SỐ BẰNG 07	HIỆP SỐ THIẾT KẾ AT-BVN-TKVT-GX-D				
			NGƯỜI VẤN TƯ	<i>[Signature]</i>	TÊN BẢN VẼ	CỘT BÊ SINH HỐC KẾT CẤU ĐỐC LĂNG DL1		NGÀY HI: 12/2024	BỊC/M&C					



MẶT BẰNG THỂ THIẾT BỊ, ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ CỤM BỂ SINH HỌC



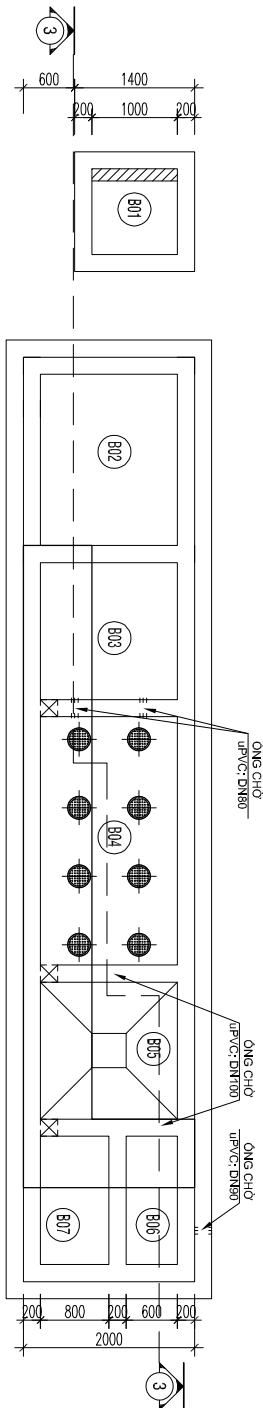
MẶT CẮT 1-1

CHI CHỮ CỤM SINH HỌC:

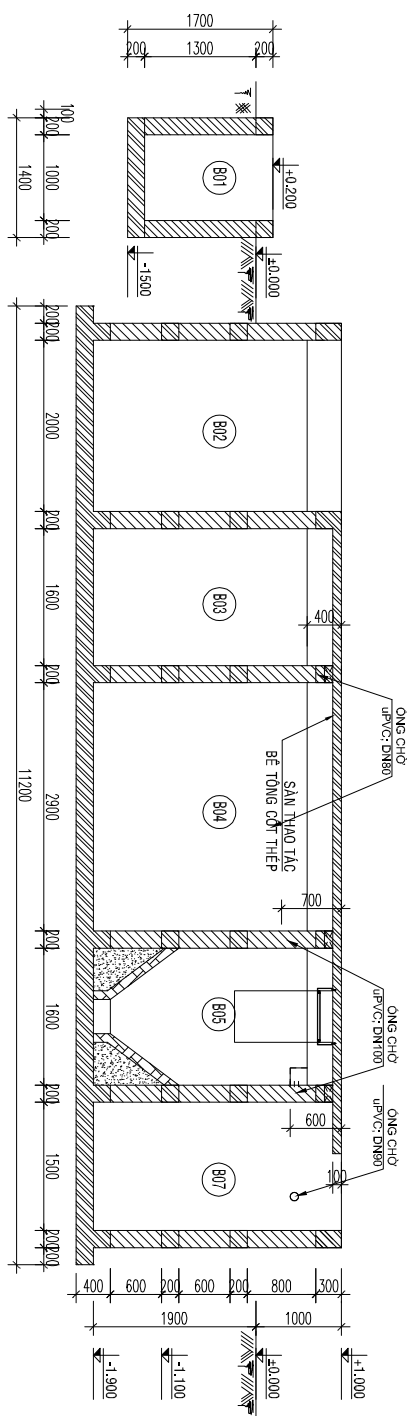
KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI
B-01	HỒ THU GOM 2	WP0102	Bơm bê thu gom 2
B-02	BỂ ĐIỀU HÒA	WP0201	Bơm bê điều hòa
B-03	BỂ ANĐOXIC	SM0301	Máy khuấy chìm (Mixer)
B-04	BỂ HIỆU KHÍ	WP0401	Bơm nước thổi
B-05	BỂ LẮNG	WP0501	Bơm bùn
B-06	BỂ KHỬ TRÙNG		
B-07	BỂ CHỨA Bùn		

STT	MÔ TẢ	SC QUẢN LÝ THIẾT KẾ	CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG GIÁN ĐỐC	CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG GIÁN ĐỐC	QUẢN LÝ KẾT	KS. NGUYỄN VĂN TỰ	TÊN BAN VỆ	DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẤT ĐÓT SINH KHỐI ĐANG VIÊN MẸN CÔNG SUẤT 200.000 TẤN/ NĂM	ĐỊA CHỈ XÃ PHU ĐÌNH, HUYỆN BÒ TRẠCH, THỊ QUẢNG BÌNH	ĐỊA CHỈ XÃ PHU ĐÌNH, HUYỆN BÒ TRẠCH, THỊ QUẢNG BÌNH	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	MẶT BẰNG THỂ THIẾT BỊ, ĐƯỜNG ỐNG CỤM BỂ SINH HỌC	SẢN VẸ SƠ	TÍNH SỐ BẢ	THAY VẸ	TRUYỀN VẸ
01	BẢN VẸ THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>																
02	BẢN VẸ THIẾT KẾ KỸ THUẬT	<input type="checkbox"/>																
03	BẢN VẸ THIẾT KẾ MẠCH ĐIỆN	<input type="checkbox"/>																
04	BẢN VẸ THIẾT KẾ THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>																

SỐ QUẢN LÝ THIẾT KẾ: AT-BVN-TKVT-CM
 NGÀY HI: 12/2024
 SỐ QUẢN LÝ THIẾT KẾ: 23
 NGÀY HI: 12/2024
 SỐ QUẢN LÝ THIẾT KẾ: 23
 NGÀY HI: 12/2024

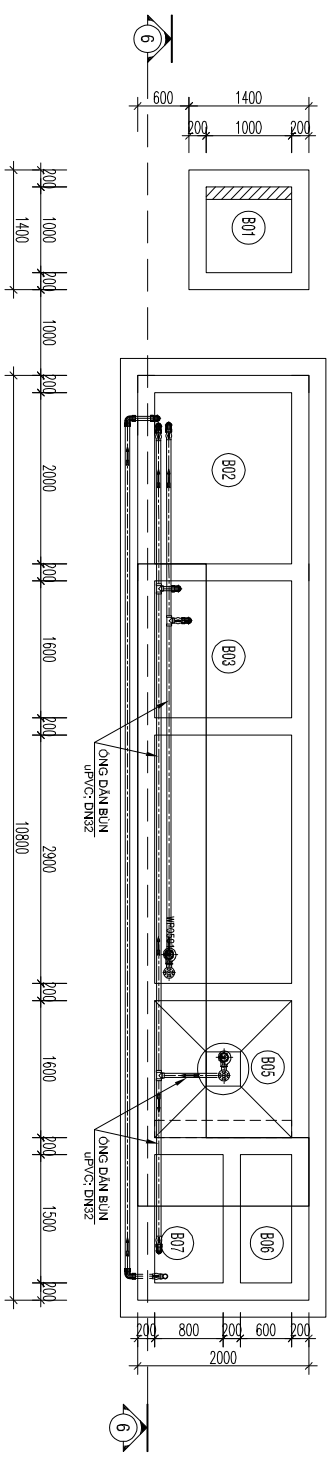


MẶT BẰNG ÔNG CHỜ CỤM BẾ SINH HỌC

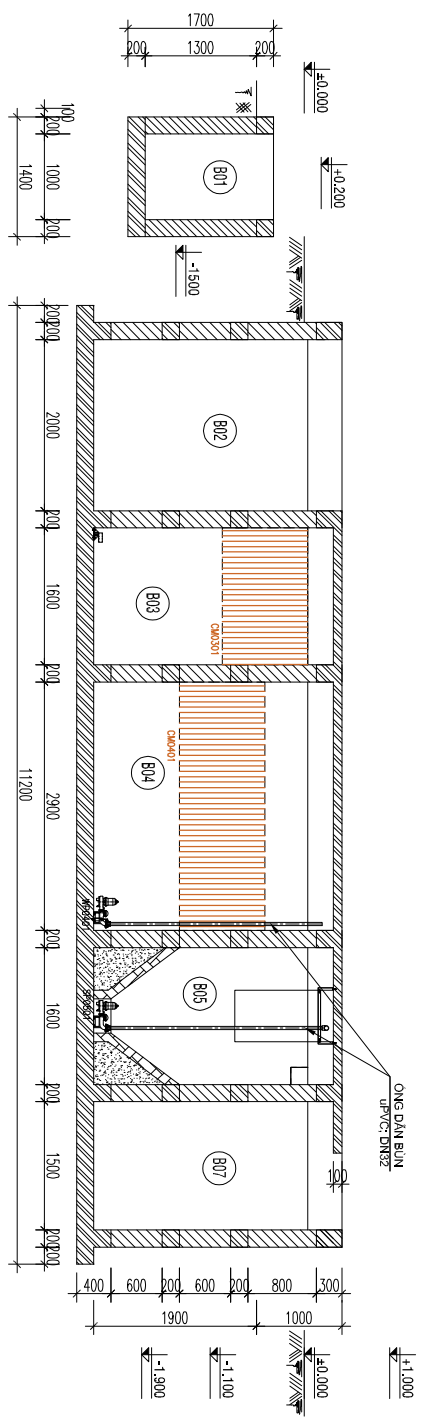


MẶT CẮT 3-3

		SỬ DỤNG 01 BÀN VẾ THIẾT KẾ CỘT SỖ 02 BÀN VẾ THIẾT KẾ KẾT CẤU ĐƯỜNG 03 BÀN VẾ THIẾT KẾ MÀNG MÁNG TƯỜNG 04 BÀN VẾ THIẾT KẾ HỒNÔNG		<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input checked="" type="checkbox"/>		SC QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH		CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN BƯN QUẢNG BÌNH ĐỊA CHỈ: SỐ 400 ĐƯỜNG HUỖ CHI BÙI THẠCH, THỊNH QUẢNG BÌNH		TỔNG GIÁM SỐC: TÊN:		TỔNG THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG BỒ THỊ AN THÀNH ĐỊA CHỈ: SỐ 46 TRẦN PHÚ, THỊ TRẤN HỒ HOÀNG, HUYỆN BÒ TRẠCH, THỊNH QUẢNG BÌNH		NGƯỜI CHỌN VẬT TƯ: 		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: K.S. TRẦN VĂN THƯỜNG		CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẤT ĐÓT SINH KHỐI DANG VIỆN MẪN CÔNG SUẤT 200.000 TẤN/NĂM ĐỊA CHỈ: XÃ PHU ĐÌNH, HUYỆN BÒ TRẠCH, THỊNH QUẢNG BÌNH		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI: MB BỜ TRẠI ÔNG CHỜ CỤM BẾ SINH HỌC		THẺ SỐ THIẾT KẾ: AT-BVN-KT-VTC-CH		SỐ BẢN VẼ: 23 TỔNG SỐ BẢN VẼ: 23 THẺ SỐ BỐ TÀI: 1:2504 THẺ SỐ MẪU:	
--	--	--	--	--	--	------------------------------	--	--	--	-------------------------------	--	--	--	-------------------------------	--	--	--	---	--	--	--	---	--	---	--

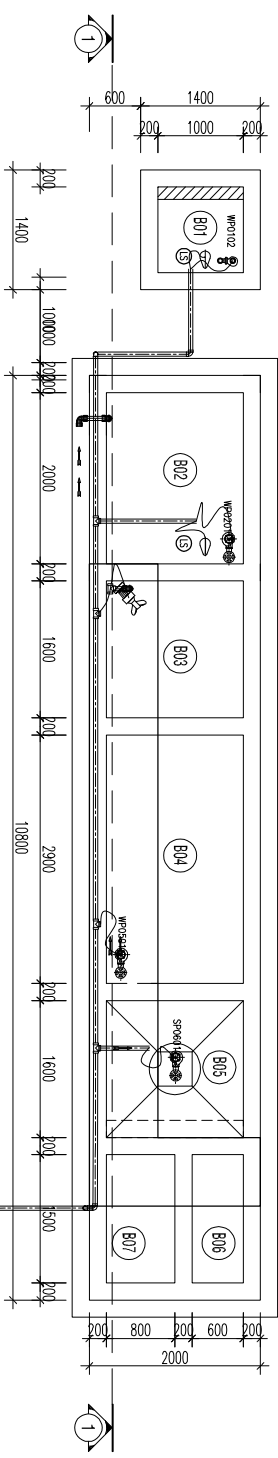


MẶT BẰNG DƯỜNG ỐNG DẪN BÙN CỤM BỂ SINH HỌC

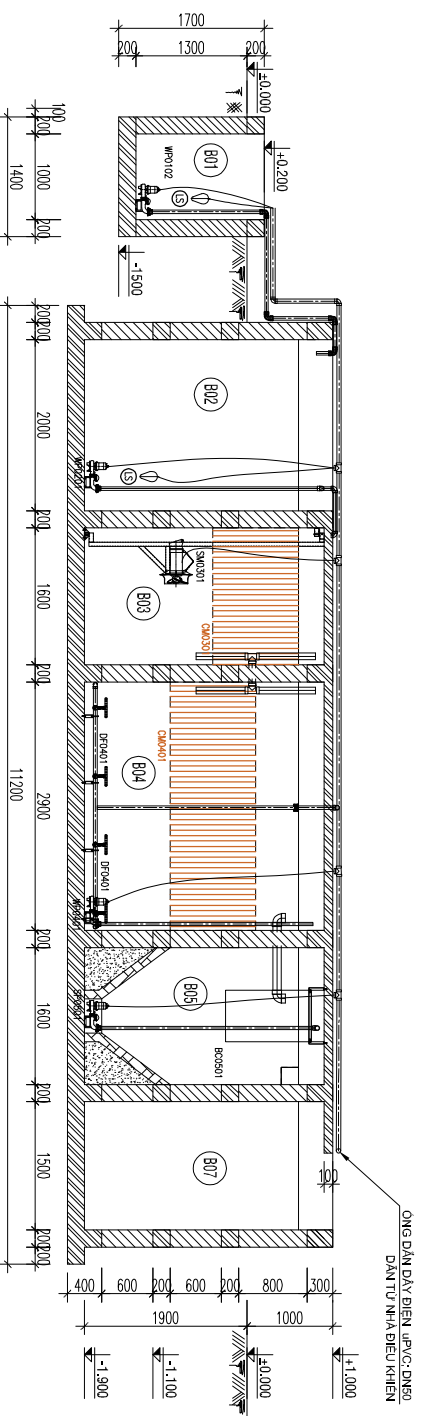


MẶT CẮT 6-6

		SĐT CHỨC STT NỘI DUNG SỐ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH		CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN BÙN QUẢNG BÌNH ĐỊA CHỈ: SỐ 400 ĐƯỜNG LƯU THẠCH, THỊNH QUẢNG BÌNH TỈNH QUẢNG BÌNH		TỰ XÂY THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG BỒ THỊ AN THÀNH ĐỊA CHỈ: SỐ 46 TRẦN PHÚ, THỊ SÁM HUYỆN ĐÀ NẴNG, ĐÀ NẴNG TỈNH QUẢNG BÌNH		CHỦ THÌ THIẾT KẾ K.S. TRẦN VĂN THƯỜNG		CÔNG TRÌNH DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẤT ĐÓT SINH KHỐI ĐANG VIÊN MẸN CÔNG SUẤT 200.000 TẤN/ NĂM ĐỊA CHỈ: XÃ PHU ĐÌNH, HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH		ĐỒ SẼ THIẾT KẾ AT-BVN-KT-VTC-CH	
01	BÀN KẾ THIẾT KẾ CỐ ĐỊNH	<input type="checkbox"/>		THÀNH VIÊN K.S. TRẦN VĂN THƯỜNG		K.S. TRẦN VĂN THƯỜNG				HỒ SƠ THIẾT KẾ SỐ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH 23			
02	BÀN KẾ THIẾT KẾ KẾ GIỚI ĐỘNG	<input type="checkbox"/>		THÀNH VIÊN K.S. HƯƠNG TRỌNG BẢO		K.S. HƯƠNG TRỌNG BẢO				NGÀY HI: 12/2024 BỐ/G: M&U			
03	BÀN KẾ THIẾT KẾ MÀNG PHẾ VẬT TƯ	<input type="checkbox"/>		THÀNH VIÊN K.S. NGUYỄN VĂN TỰ		K.S. NGUYỄN VĂN TỰ				NGÀY HI: 12/2024 BỐ/G: M&U			
04	BÀN KẾ THIẾT KẾ HỒ DÙNG	<input checked="" type="checkbox"/>		THÀNH VIÊN K.S. NGUYỄN VĂN TỰ		K.S. NGUYỄN VĂN TỰ				NGÀY HI: 12/2024 BỐ/G: M&U			



MẶT BẰNG DƯỜNG ỜNG DẪN ĐIỆN CỤM BẾ SINH HỌC



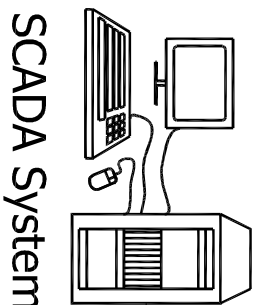
MẶT CẮT 1-1

		BIÊN BẢN SỐ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH:	
STT	MÔ TẢ CÔNG VIỆC	ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN	ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
01	BÀN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>	ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
02	BÀN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG	<input type="checkbox"/>	ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
03	BÀN VẼ THIẾT KẾ MẠNG ĐIỆN	<input type="checkbox"/>	ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
04	BÀN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>	ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN THÀNH ĐƠN CHỨC SỬA SỬN CÔNG TRÌNH:			
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN THÀNH ĐƠN CHỨC SỬA SỬN CÔNG TRÌNH:		CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN THÀNH ĐƠN CHỨC SỬA SỬN CÔNG TRÌNH:	
THỜI GIAN THI CÔNG:		THỜI GIAN THI CÔNG:	
NGƯỜI DẪN ĐẦU TƯ:		NGƯỜI DẪN ĐẦU TƯ:	
CHỦ THIẾT KẾ:		CHỦ THIẾT KẾ:	
VẼ:		VẼ:	
K.S. NGƯỜI DẪN ĐẦU TƯ:		K.S. NGƯỜI DẪN ĐẦU TƯ:	
TÊN BAN VẼ:		TÊN BAN VẼ:	
DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẤT ĐỐT SINH KHỐI DANG VIÊN MẸN CÔNG SUẤT 200.000 TẤN/NĂM ĐƠN CHỨC XÂY DỰNG: HƯNG BỒ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH		DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẤT ĐỐT SINH KHỐI DANG VIÊN MẸN CÔNG SUẤT 200.000 TẤN/NĂM ĐƠN CHỨC XÂY DỰNG: HƯNG BỒ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẪU DƯỜNG ỜNG DẪN ĐIỆN CỤM BẾ SINH HỌC		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẪU DƯỜNG ỜNG DẪN ĐIỆN CỤM BẾ SINH HỌC	
SỐ BAN VẼ:		SỐ BAN VẼ:	
NGÀY HI:		NGÀY HI:	
BẢNG MẪU:		BẢNG MẪU:	

KẾT NỐI TỬ ĐIỆN

IP: 192.168.0.1

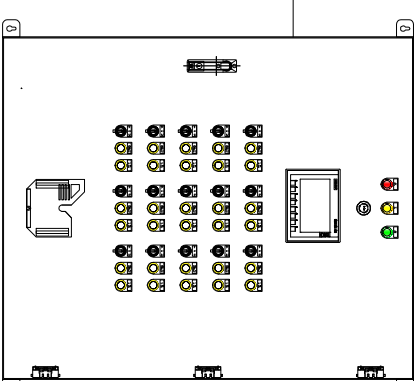
Sub: 255.255.255.0



SCADA System

LAN

Profinet cable



IP: 192.168.0.2

Sub: 255.255.255.0

Kết nối tủ điện - PC Scada control (Profinet LAN)

STT		NOI DUNG	SO QUANG PHAM	CHU DE TU	TU VAN THIET BEE	CHU TRAI THIET BEE	CONG NHAN	DU AN NHA MAY CHAT DOT SINH KHOI DANG VIEN	HIEU SET THIET BEE
01		BAN KE THIET KE CO SO	<input type="checkbox"/>	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN THÀNH ĐỊA CHỈ: SỐ 40/10 ĐƯỜNG, HƯNG PHỒI, THỊ SÀI GÒN MỚI, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN THÀNH ĐỊA CHỈ: SỐ 40 TÊN PHỒI, THỊ SÀI GÒN MỚI, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM	THIẾT KẾ		MÉN CÔNG SUẤT 200.000 TẤN/NĂM ĐỊA CHỈ: XÃ PHU ĐÌNH, HƯNG PHỒI, THỊ SÀI GÒN MỚI, QUẬN BÌNH THẠNH	AT-BW-ITC/TC-CH
02		BAN KE THIET KE KI SPU DONG	<input type="checkbox"/>	TỔNG GIÁM SỐC	PHỤ TỔNG GIÁM SỐC	KS. TRUYỀN ĐỘNG THÔNG	<i>[Signature]</i>		
03		BAN KE THIET KE MẠ ĐIỆN VÀ SẠNG	<input type="checkbox"/>			KS. HƯỚNG TRỌNG BẢO	<i>[Signature]</i>		
04		BAN KE THIET KE HỒ DÒNG	<input checked="" type="checkbox"/>		NGƯỜI DẪN VÀO TỦ	KS. NGƯỜI DẪN VÀO TỦ	<i>[Signature]</i>	HỆ THỐNG ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN KẾT NỐI TỬ ĐIỆN	SẢN XUẤT: KUMHO-PC-2E 28 NGÀY HI: 12-2024 ĐIỀU KHIỂN:



修耐電機股份有限公司
SHOWFOU ELECTRIC MACHINE CO., LTD.
高雄市岡山區(82059)本工路66號
66 Bengong Road, Gangshan District,
Kaohsiung City (82059), Taiwan

TEL: (07)6226590
FAX: +886-7-6226593
INTERNATIONAL: +886-7-6226549
E-MAIL: showfou@ms11.hinet.net
<http://www.showfou.com>
<http://www.showfoupump.com>

QUALITY CERTIFICATE

DATE : JAN 12.2025

TO : WHOM IT MAY CONCERN

RE : SHIPMENT OF SUBMERSIBLE PUMP & SUBMERSIBLE MIXER OF TAIWAN ORIGIN

***** SUBMERSIBLE PUMP**

SHM-200F	150 SETS
SHM-250F	200 SETS
SHM-450F	80 SETS
SHM-750F	50 SETS
SHM-1100F	50 SETS
SHM-1500F	50 SETS
SHM-2200F	50 SETS
SH-200	150 SETS
SH-250	150 SETS
SH-450	50 SETS
SH-750	50 SETS
SH-1100	50 SETS
SH-1500	50 SETS
SH-2200	50 SETS

***** SUBMERSIBLE MIXER**

4MIX-0.75	30 SETS
4MIX-1.5	20 SETS
4MIX-2.2	10 SETS

DETAILS AS PROFORMA INVOICE NO. A804C022-1

DATED; JAN 12. 2025 REVISED:

THE GOODS ARE 10PCT BRAND NEW ORIGIN TAIWAN

SHIPPED PER AS FLORA V-S059

FROM KAOHSIUNG PORT, TAIWAN

TO HAIPHONG, VIETNAM

MANUFACTURE : SHOWFOU ELECTRIC MACHINE CO., LTD

WE, HEREBY CERTIFYING THAT THE QUALITY CORRESPOND WITH THE CUSTOMER'S NEED

SHOWFOU ELECTRIC MACHINE CO.,LTD

MANAGER

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10



修附電機股份有限公司
SHOWFOU ELECTRIC MACHINE CO., LTD.
高雄市岡山區(82059)本工路66號
66 Bengong Road, Gangshan District,
Kaohsiung City (82059), Taiwan

TEL: (07) 6226590
FAX: +886-7-6226593
INTERNATIONAL: +886-7-6226549
E-MAIL: showfou@ms11.hinet.net
http://www.showfou.com
http://www.showfoupump.com

PACKING LIST

DATE : JAN 12.2025

Messrs POWER COMMERCIAL AND INDUSTRIAL CO., LTD
7TH FLOOR, 123D THUYKHUE ST, TAYHO DIST, HANOI, VIETNAM

Commodity SUBMERSIBLE PUMP TAIWAN ORIGIN

Shipped per AS FLORA V-S059 From KAOHSIUNG - TAIWAN

To HAIPHONG, VIETNAM On/about JAN 12.2025

C/NOS	DESCRIPTION	Q'TY	N.W.	G.W.
		SET	KGS	KGS
1	SHM-200F	150	18,335	19,759
2	SHM-250F	200		
3	SHM-450F	80		
4	SHM-750F	80		
5	SHM-1100F	50		
6	SHM-1500F	50		
7	SHM-2200F	50		
8	SH-200	150		
9	SH-250	150		
10	SH-450	50		
11	SH-750	50		
12	SH-1100	50		
13	SH-1500	50		
14	SH-2200	50		
15	4MIX-0.75	30		
16	4MIX-1.5	20		
17	4MIX-2.2	10		
TOTAL		1270	18,335	19,759

SAY TOTAL SEVENTEEN (17) W/CASE
ONLY MEASURE : 20.0 CBM

SHOWFOU ELECTRIC MACHINE CO., LTD.

.....
[Signature]



OCEANSUN LOGISTICS CORP.

BILL OF LADING

Shipper/Exporter

SHOWFOU ELECTRIC MACHINE CO., LTD.
66 BENGONG ROAD, GANGSHAN DISTRICT, KAOHSIUNG
CITY (82059), TAIWAN

OCEANSUN LOGISTICS CORP.

License No. 1933

S/O No./Ref. No.

1809

B/L No.

SPYCHFP123A021

Consignee

POWER COMMERCIAL AND INDUSTRIAL CO. LTD.
7TH FLOOR, 123D THUY KHUE ST., TAY HO DIST.,
HANOI, VIETNAM
TAX ID: 0105975317

Forwarding Agent-References

CUBIC INVESTMENT CO., LTD
Add: 7 CIVIL GROUP, QUANG MINH TOWN, ME LING
DISTRICT, HA NOI, VIET
NAM. TEL: +84 24 6253 9993
PIC: nguyen.cubic66@gmail.com
dang.cubic@gmail.com

Notify Party (complete name and address)

SAME AS CONSIGNEE

Point and Country of Origin (for the Merchant's reference only)

Onward Inland Routing/Export Instructions (for the Merchant's reference only)

Place of Receipt/Date

KAOHSIUNG, TAIWAN

Port of Loading

KAOHSIUNG, TAIWAN

Ocean Vessel / Voy. No.

AS FLORA V-S059

Port of Discharge

HAIPHONG

Place of Delivery

HAIPHONG

In Witness Whereof, the undersigned, on behalf of Oceansun Logistics Corp. has signed the number of B/Ls of loading stated below, all of this tenor and date, one of which being accomplished, the others to stand void.

Particulars furnished by the Merchant

Marks & Nos / Container No. / Seal No.	Quantity And Kind of Packages	Description of Goods	Measurement (Wt Gross, Volume, etc)
PCI HAIPHONG W/C NO. MADE IN TAIWAN	17 W/CASE VVVVVVV	*SHOWFOU *BRAND SUBMERSIBLE PUMP & SUBMERSIBLE MIXER HS CODE: 8413.70 & 8413.70	20 (CBM) 19,759 (KGS)

**ORIGINAL B/L
SURRENDERED**



TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGES (IN WORDS)

FREIGHT COLLECT* SVC TYPE: LCL-LCL
SAY TOTAL SEVENTEEN (17) W /CASE ONLY

Freight & Charges	Revenue Tons	Rate	Per	Prepaid	Collect
OCEAN FREIGHT					AS ARRANGED

SERVICE TYPE LCL-LCL US\$1=NT\$31.3300	Number of Original B/Ls THREE (3)	OCEANSUN LOGISTICS CORP. By _____ AS CARRIER
	Place of B/L Issue/Date TAIPEI, TAIWAN, JAN 12, 2025	
	Loaded on Board the Vessel JAN 12, 2025	

TERMS OF BILL OF LADING CONTINUED FROM BACK HEREOF

FORM NO. B/L-1 (REV. 10/2014)

seko

DECLARATION OF CONFORMITY

Seko S.p.A. declares, under his own responsibility, that the goods present in the following sales order, are in compliance with what is requested by the customer:

SAVING TRADING CO.,LTD.

Invoice no.: VEXT2300001315

Invoice date: 10/09/2024

**The products have been successfully manufactured
and tested by our internal procedures**

Company certificated ISO 9001:2008 by



Date: 10/09/2024

SEKO S.P.A.
Il direttore generale
Folio Stefano

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Folio Stefano".

Seko S.p.A.
Via Salario km 92,200 - 02015 S. Rufina (RI) - Italy Phone: +39 0746 605801 - Fax: +39 0746 607072 - www.seko.com
Capitale sociale EUR 4.908.000 - REA CCIAA di Rieti 28976 - Isola. Tribunale di Rieti n.115578 - C.F. e P.IVA IT 06102900576 - Export RI 000274



seko

SEKO S.p.A

Plant Via Salena Km. 92,200 - 02015 CITTADUCALE-SANTA RUFINA - (RI)

Tel +39 0748 605501 - Fax +39 0748 607072

Email info@seko.com - Website www.seko.com

Headquarter Via Salena Km. 92,200 - 02015 CITTADUCALE - (RI)

FC and Vat Number IT 00102900578 - EXPORT M1990045 - CCIAA/REA 28978

Registered capital € 4.996.000,00

PACKING LIST

Ship to: SAVING TRADING CO., LTD. 131/6 THICH QUANG DUC ST, WARD 4, PHU NHUAN DIST., HCMC, VIETNAM, 725925 INVOICE: VEXT2300001315	Bill to: C002821 SAVING TRADING CO., LTD. 131/6 THICH QUANG DUC ST, WARD 4, PHU NHUAN DIST., HCMC, VIETNAM, 725925
---	--

Products with "Id Pallet" = 0 are loose cartons/tanks

PURCHASE ORDER	Item number	Description	Quantity	Cartons	ID Pallet
SK-OC-16082	SPR99106058	Spare circuit kit for standard actuator	02	02	1
SK-OC-16082	AML200NHE0000	Kompact pump 200-AML 5L/H 20W	200	200	2-3
SK-OC-16082	AML200OHE0000	Kompact Constant Lev-10bar- 3L/H 24VAC	24	24	1
SK-OC-16082	AKL800NHH0000	Dosing pump Tekna Evo AKL800 7L/H 40W	20	20	1
SK-OC-16082	AKL803NHH0000	Dosing pump Tekna Evo AKL803 62L/H - 40W	50	50	1
SK-OC-16082	TPR800NHH0000	Dosing pump Tekna Evo TPR800 7L/H - 40W	02	02	1
SK-OC-16082	MS1B108A51A4000	Diaphragm metering pump Spring 60L/H - 0,18kW	03	03	1
SK-OC-16082	MS1B108B51A4000	Diaphragm metering pump Spring 80L/H - 0,18kW	36	36	4-5
SK-OC-16082	MS1B108C51A4000	Diaphragm metering pump Spring 120L/H- 0,18kW	18	18	6
SK-OC-16082	MS1C138A51C4000	Diaphragm metering pump Spring 155L/H - 0,37kW	18	18	7
SK-OC-16082	MS1C138C51C4000	Diaphragm metering pump Spring S1 310L/H - 0,37KW	18	18	8
SK-OC-16082	MS1C165A51C4000	Diaphragm metering pump Spring S1 230L/H - 0,37KW	10	10	9
SK-OC-16082	MS1C165B51C4000	Diaphragm metering pump Spring S1 330L/H- 0,37KW	18	18	10
SK-OC-16082	9900105005	pH sensor: SPH-3- WW	40	40	11-12
SK-OC-16082	MS1MX165	Diaphragm Diam 165MM, for MS1C165	30	30	11-12
SK-OC-16082	EM99070105	Suction & Discharge valve for AKL803 & AKL800	20	20	11-12
SK-OC-16082	PS2CT08931	Pump head for model PS2E089C31, PVC	1	1	1



中石化江汉盐化工湖北有限公司
SINOPEC JIANGHAN SALT CHEMICAL HUBEI CO. LTD

CERTIFICATE OF ANALYSIS

Sample Name:

TRICHLOROISOCYANURIC ACID

Inspection Purpose: Sample

Sample No.: 20240814

Manufacturing Date: Aug. 14, 2024

Inspection Date: Aug. 14, 2024

Plant Name: JSCC

Expiry Date: Aug. 13, 2026

Batch No.: 20240814


Standard Code: HG/T3263-2001

Test Item	Quality Index		Result
	Excellence	Passed	
Available Chlorine \geq %	90.0	88.0	90.3
Moisture %	0.5	1.0	0.28
PH value (1% Aqueous solution) %	2.6-3.2		2.91
Appearance	200g White Tablet		200g White Powder

Conclusion:

Product be up to the quality requirement of the Excellence stipulated in the the standard HG/T3263-2001.



Bescheinigung über Materialprüfung / Material Test Certificate	ABNAHMEPRÜFZEUGNIS / Inspection certificate 3.1 nach/according to DIN EN 10 204	 JÄGER Umwelt-Technik
---	---	--

Jäger Umwelt-Technik GmbH & Co. KG * *

Quang Minh Co., Ltd.
No. 5, 59 Lane, Lang Ha St., Ba Dinh Dist., Hanoi,
Vietnam
(Empfänger / Receiver)

Quang Minh Co., Ltd. <u>Besteller / Purchaser:</u>	JAEGER/06.05.2024/QM <u>Bestell-Nr. / Order No.</u>	06.05.2024 <u>Datum / Date:</u>
60190019652 <u>Unsere Rechnung-Nr. / Our Invoice No.:</u>	QS / Hr. Weidemann <u>Unsere Abteilung / Our Department:</u>	0511/ 64644412 <u>Telefon / Phone:</u>
JetFlex® HD 270 disc diffuser <u>Erzeugnisform / Product:</u>	14.06.2024 <u>Lieferdatum / Delivery Date:</u>	
EPDM F053A / PP <u>Werkstoff / Quality:</u>	Bestellte Menge / Ordered Quantity: 9.016 pcs	

Produkt / Product Details

Schlitzung / Membrane Slot Pattern	J27	OK
Gewinde / Thread	R ¼	OK
Teller + Ring / Plate + Ring	PP30GF	OK

Bezeichnung / Description		Standard	Zielwert / Target Value	Prüfergebnis / Results
Dichte / Density	[g/cm³]	DIN EN ISO 1183-1	1.07 ± 0,03	OK
Zugfestigkeit / Tensile Strength	[MPa]	DIN 53504 (ISO 37)	> 10.0	OK
Bruchdehnung / Elongation at Break	[%]	DIN 53504 (ISO 37)	> 450	OK
Weiterreißwiderstand / Tear Resistance	[N/mm]	DIN EN ISO 34-1	> 6	OK
Härte / Hardness	[Shore A]	DIN ISO 7619-1	52 ± 5	OK

Formular-Nr. GJ-10.QW.06.00512.02

Bescheinigung über
Materialprüfung /
Material Test Certificate

ABNAHMEPRÜFZEUGNIS /
Inspection certificate 3.1
nach/according to DIN EN 10 204



Abmessung / Dimensions:

Höhe / Total Height	[mm]		60	OK
Durchmesser / Diameter	[mm]		268	OK
Bohrung / Orifice Diameter	[mm]		8.0	OK
Perforiert Fläche / Effective Area	[m ²]		0.037	OK

Es wird bestätigt, dass das Prüfergebnis aus Prüfungen an der Lieferung selbst (bzw. aus Prüfungen an den in Normen angegebenen Prüfeinheiten, von denen die Lieferung ein Teil ist) den Vereinbarungen bei der Bestellannahme entspricht.

We hereby certify, that the test result from tests on the material itself (or from tests on standardized test units, of which the delivered material is a part of) complies with the terms of the order contract.

This certificate does not release the customer from the obligation to carry out incoming inspection of goods, either as agreed or as required under the regulations.
This certificate does not require a signature.

Jäger Umwelt-Technik GmbH
Lohweg 1
30559 Hannover

(Firmenstempel / Company stamp)

31
JH
VG
AV
HUR
AN
H-T

Packing slip

Jäger Umwelt-Technik GmbH · Löhweg 1 · 30559 Hannover

Quang Minh Construction and Trading Co., Ltd (QM Co., Ltd)
 No. 5, 59 Lane, Lang Ha St., Ba Dinh Dist.
 100000 HANOI
 Vietnam

Consignee

Quang Minh Construction and Trading Co., Ltd (QM Co., Ltd)
 23F, Lot A10, Nam Trung Yen Urban Area, Yen Hoa Ward, Cau
 Giay Dist.
 100000 HANOI
 Vietnam

Delivery address

Jäger Umwelt-Technik GmbH
 Logistikzentrum
 Hagenstraße 3A
 30559 HANNOVER
 Deutschland

Packing slip	51019461
Date	06/14/2024
Sales order	42190016819
Load ID	019LID000012581
Customer no.	1000338
Your reference	JAEGER/06.05.2024/QM
Your ref.	Lien Phuong Ngo Thi
Consultant	Sophie Brettmann
Phone	+49 511 64644 430
Email address	s.brettmann@jaeger-gk.de

Contact	Lien Phuong Ngo Thi
Phone	+84 24 3773 7566
Email address	lienphuong@quangminhvn.com

Pos	Item number	Sales quantity	Remaining quantity	Delivered
1	1000000251 JetFlex® HD 270 disc diffuser 3/4" external thread 8 mm orifice slit pattern J27 Material: PP30%GF/EPDMF053A, black	9,016.00 pcs.	0.00 pcs.	9,016.00 pcs.
2	1000000203 JetFlex® disc diffuser HD 340 3/4" external thread slit pattern F31 Material: PP30%GF/EPDMF053A, black	1,050.00 pcs.	0.00 pcs.	1,050.00 pcs.
5	1000003200 JetFlex® TD65-2-G1-750 EPDM tube diffuser 750 mm perforation length slit pattern J34 incl. gasket and clamps Material: PP/EPDMperformance Plus/SI/V2A	100.00 pcs.	0.00 pcs.	100.00 pcs.

Jäger Umwelt-Technik GmbH
 Löhweg 1
 30559 Hannover
 Telefon +49- 511-64644-0
 Telefax +49-511-64644-499
 www.jaeger-umweltsch.com

Ust-ID-Nr.: DE300467016
 Sitz der Gesellschaft: Hannover
 Registergericht Hannover HRB 212566
 FA Hannover-Nord: 25/200/29913

Geschäftsführer:
 Dipl.-Ing. Hans-Christian von Conrath
 Dr.-Ing. Andreas Jäger

Pos	Item number	Sales quantity	Remaining quantity	Delivered
6	1000000236 JetFlex® TD65-2-G1-1000 EPDM tube diffuser 1000 mm perforation length slit pattern J34 incl. gasket and clamps Material: PP/EPDMperformance Plus/SI/V2A	200.00 pcs.	0.00 pcs.	200.00 pcs.
6	1000003198 JetFlex® TD90-2-G1-1000 EPDM tube diffuser 1000 mm perforation length slit pattern C49 incl. gasket and clamps Material: PP/EPDMperformance Plus/V2A	300.00 pcs.	0.00 pcs.	300.00 pcs.
7	1000000011 universal rubber saddle (HD200/HD270) für Verteilerrohr 88-141mm AD Ursprungland: Deutschland Material: EPDM, 75 +/- 5 Shore A, black	2,000.00 pcs.	0.00 pcs.	2,000.00 pcs.

V.C.
 H
 A
 A
 H
 CH

Terms of delivery EXW (ICC 2020) Excl. Packaging
Mode of delivery Pick up
Freighted by Carrier
Mode of packaging ONE CONTAINER (1 CT) CONSISTS OF 22 PALLETS.
 Gross weight (kg) 8,926.00

.....
 The assembly instructions are included in each package:

- JetFlex® SD 180 Strip Diffuser
 - JetFlex® SSD Smart Strip Diffuser
 - JetFlex® TD 63-2 Tube Diffuser
 - JetFlex® TD 65-2 G1/GN Tube Diffuser
 - JetFlex® HD 200/270/340 Disc Diffuser
 - JetFlex® Tube Diffuser membrane TD63
-

This document was issued electronically and is therefore valid without signature



Bankverbindungen/Bank Details:

Sparkasse Hannover - BIC/SWIFT: SPKHDE2HXXX - IBAN: DE34 2505 0180 0900 3640 55

Deutsche Bank AG, Hannover - BIC/SWIFT: DEUTDE2HXXX - IBAN: DE56 2507 0070 0025 0167 00

Für Zahlungen aus dem Ausland/For Payments from Foreign Countries: Deutsche Bank Hannover BIC: DEUTDE2HXXX - Konto: 0250 167 00

Jäger Umwelt-Technik GmbH
Lohweg 1
30559 Hannover
Telefon +49-511-64644-0
Telefax +49-511-64644-499
www.jaeger-envirotech.com

Ust-Id-Nr.: DE300467016
Sitz der Gesellschaft: Hannover
Registergericht Hannover HRB 212566
FA Hannover-Nord: 25/200/29913

Geschäftsführer:
Dipl.-Ing. Hans-Christian von Conrbruch
Dr.-Ing. Andreas Jäger

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM TRUNG VIỆT

Địa chỉ: 88 – 90 Đường số 3, KDC HimLam, P.Trường Thọ, TP.Thủ Đức, TP. HCM.

Tel: 083.731.2244 – 0915871636

Fax: 083.731.2244

Web: www.namtrungvietenvi.com, www.dcmvisinh.vn, www.ntvco.vn

Email: namtrungviet.envi@gmail.com



QUẢ CẦU VI SINH D50

Hệ thống xử lý sinh học tối ưu.



HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SỬ DỤNG QUẢ CẦU VI SINH TẠI VIỆT NAM

Quả cầu vi sinh được sử dụng trong công nghệ xử lý nước thải tạo xu hướng xử lý hiệu quả. Đây là giải pháp tiên tiến để phân hủy COD / BOD, nitrat hóa, khử nitơ và khử độc.

Hoạt động đơn giản Không bị tắc nghẽn trên chất mang sinh học.

QUẢ CẦU VI SINH D50

- + Kích thước: $D = (50 \pm 5\%) \text{ mm}$
- + Nhiệt độ làm việc: $5-80^\circ \text{ C}$
- + Bề mặt riêng: $350 - 450 \text{ m}^2/\text{m}^3$
- + Độ rỗng xốp: 93-96%
- + Áp suất làm việc: 1-3 bar
- + Vật liệu chế tạo: Nhựa PP, màu đen.
- + Mật độ 6000 trái/1 khối theo thể tích ướt
- + Xuất xứ: Việt Nam





CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM TRUNG VIỆT

Địa chỉ: 88-90 đường số 3, KDC HimLam, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Tel : 083.7312244 – 0915871636 Fax: 083.7312244

Web : www.namtrungvietenvi.com, www.dcmvisin.vn

Email: namtrungviet.envi@gmail.com



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

ĐỆM TỎ ONG

TT	Diện tích bề mặt m ² /m ³	Độ rỗng xốp %	Độ dày mm	Màu sắc	Vật liệu	Kích thước màng
1	108 – 180	99.2	0.25	Trắng	PVC	1000 x 500
2	108 – 180	99.2	0.35	Trắng	PET	1000 x 500
3	108 – 180	99.2	0.5	Trắng	PET	1000 x 500

Thông số kỹ thuật của giá thể vi sinh dạng tổ ong:

- Kiểu: giá thể vi sinh cố định trong nước thải
- Diện tích tiếp xúc: 108m²/m³
- Kích thước 1000mm*500mm (D*R)
- Số lượng: 32 tấm tương đương 1m³
- Chất liệu nhựa PVC/PET
- Màu sắc: trắng trong
- Xuất xứ: Nam Trung Việt sản xuất.

Tính năng nổi bật giá thể - đệm vi sinh dạng tổ ong





CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM TRUNG VIỆT

Địa chỉ: 88-90 đường số 3, KDC HimLam, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Tel : 083.7312244 – 0915871636 Fax: 083.7312244

Web : www.namtrungvietenvi.com, www.dcmvisin.vn

Email: namtrungviet.envi@gmail.com

- Độ dày đồng nhất
- Tốc độ lưu thông khí và nước cao
- Độ bám dính vi sinh tương đối cao
- Chi phí thấp cho việc lắp đặt và vận hành
- Chịu được hoá chất ăn mòn đối với các chất hoà tan trong nước
- Dễ vận chuyển và lắp đặt
- Sử dụng được cho quá trình sinh học thiếu khí (Anoxic) và hiếu khí (Aerobic)

Nguyên lý hoạt động của giá thể vi sinh dạng tổ ong

- Nguyên lý hoạt động của giá thể vi sinh dạng tổ ong dựa vào diện tích tiếp xúc của giá thể, vi sinh sẽ dính bám trên bề mặt tạo thành lớp màng nhầy có tác dụng phân hủy sinh học. Quy luật chung trong sự phát triển của màng vi sinh vật bởi quá trình tiêu thụ cơ chất có trong nước thải và làm sạch nước thải.

Quá trình dính bám của giá thể vi sinh dạng tổ ong:

- Có 4 giai đoạn như sau :
- Giai đoạn 1: Kết dính ban đầu. Là quá trình vi sinh bám vào bề mặt của giá thể tạo thành lớp màng. Trong điều kiện này, tất cả vi sinh vật phát triển như nhau, cùng điều kiện, sự phát triển giống như quá trình vi sinh vật lơ lửng.
- Giai đoạn 2: Phát triển. Vi sinh vật bắt đầu phát triển trên lớp màng bắt đầu quá trình phân hủy sinh học.
- Giai đoạn 3: Trưởng thành. Là giai đoạn vi sinh đã phát triển, lớp màng đã dày lên, hiệu suất phân hủy sinh học cao nhất. Lượng cơ chất đưa vào phải đủ cho quá trình trao đổi chất, nếu không sẽ có sự suy giảm sinh khối và lớp màng sẽ bị mỏng dần đi nhằm đạt tới cân bằng mới giữa cơ chất và sinh khối.
- Giai đoạn 4: Phân tán. Sau khi phát triển đến độ dày nhất định, lớp màng không dày lên nữa và trở nên ổn định. vi sinh sẽ tróc ra khỏi bề mặt của giá thể. Sự trao đổi chất diễn ra để phân hủy chất hữu cơ thành CO₂ và nước. Lượng vi sinh vật không thay đổi do chiều dày lớp màng hiệu quả không thay đổi và không có sự gia tăng sinh khối trong giai đoạn này. Lượng cơ chất phải đủ cho quá trình trao đổi chất, nếu không vi sinh sẽ thiếu dinh dưỡng và bắt đầu phân hủy nội bào để cân bằng với cơ chất và sinh khối.
- Các giai đoạn trên sẽ diễn ra cùng lúc xen kẽ với nhau giúp quá trình phân hủy sinh học diễn ra liên tục. Quá trình phân hủy nội bào và quá trình trao đổi chất sẽ diễn ra đồng thời với nhau. Khi đó tốc độ phát triển màng cân bằng với tốc độ suy giảm bởi sự phân huỷ nội bào.

Ưu điểm của quá trình xử lý nước thải sử dụng giá thể vi sinh.



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM TRUNG VIỆT

Địa chỉ: 88-90 đường số 3, KDC HimLam, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Tel : 083.7312244 – 0915871636 Fax: 083.7312244

Web : www.namtrungvietenvi.com, www.demvisin.vn

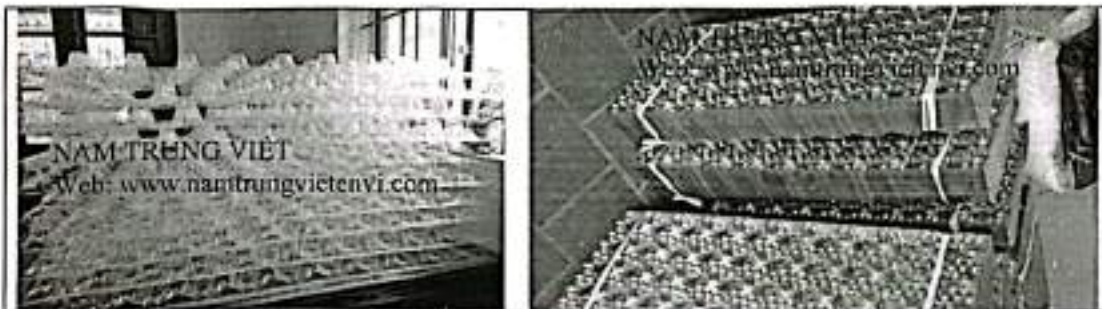
Email: namtrungviet.envi@gmail.com

Phương pháp lắp đặt giá thể - đệm vi sinh dạng tổ ong

Để lắp đặt được giá thể vi sinh dạng tổ ong cần làm theo các bước như sau:

- Bước 1: Dán các tấm giá thể lại với nhau bằng keo dán ống nước PVC sao cho các mí khớp với nhau thành các khối giá thể có kích thước $D \times R \times C = 1,0 \times 0,5 \times 0,5m$
- Bước 2: Lắp đặt khung đỡ phía dưới cho giá thể đảm bảo chắc chắn, chịu được áp suất 1,0 – 1,5 bar
- Bước 3: Lắp đặt các khối giá thể đã dán vào bể sinh học sao cho tạo thành các khối xếp chồng lên nhau, chiều rộng của giá thể đặt dọc bể để khí và nước thoát lên dễ dàng. Chiều cao của giá thể tùy theo thiết kế từ 1,0m – 2,0m
- Bước 4: Lắp đặt khung đỡ giá thể phía trên đảm bảo cứng chắc trong quá trình vận hành.

Giá thể - đệm vi sinh dạng tổ ong được sản xuất trong nước, giá thành cạnh tranh và được rất nhiều nhà đầu tư lựa chọn để tiết kiệm chi phí đầu tư mà vẫn đạt hiệu quả như mong muốn.





CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM TRUNG VIỆT

Địa chỉ: 88-90 đường số 3, KDC HimLam, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

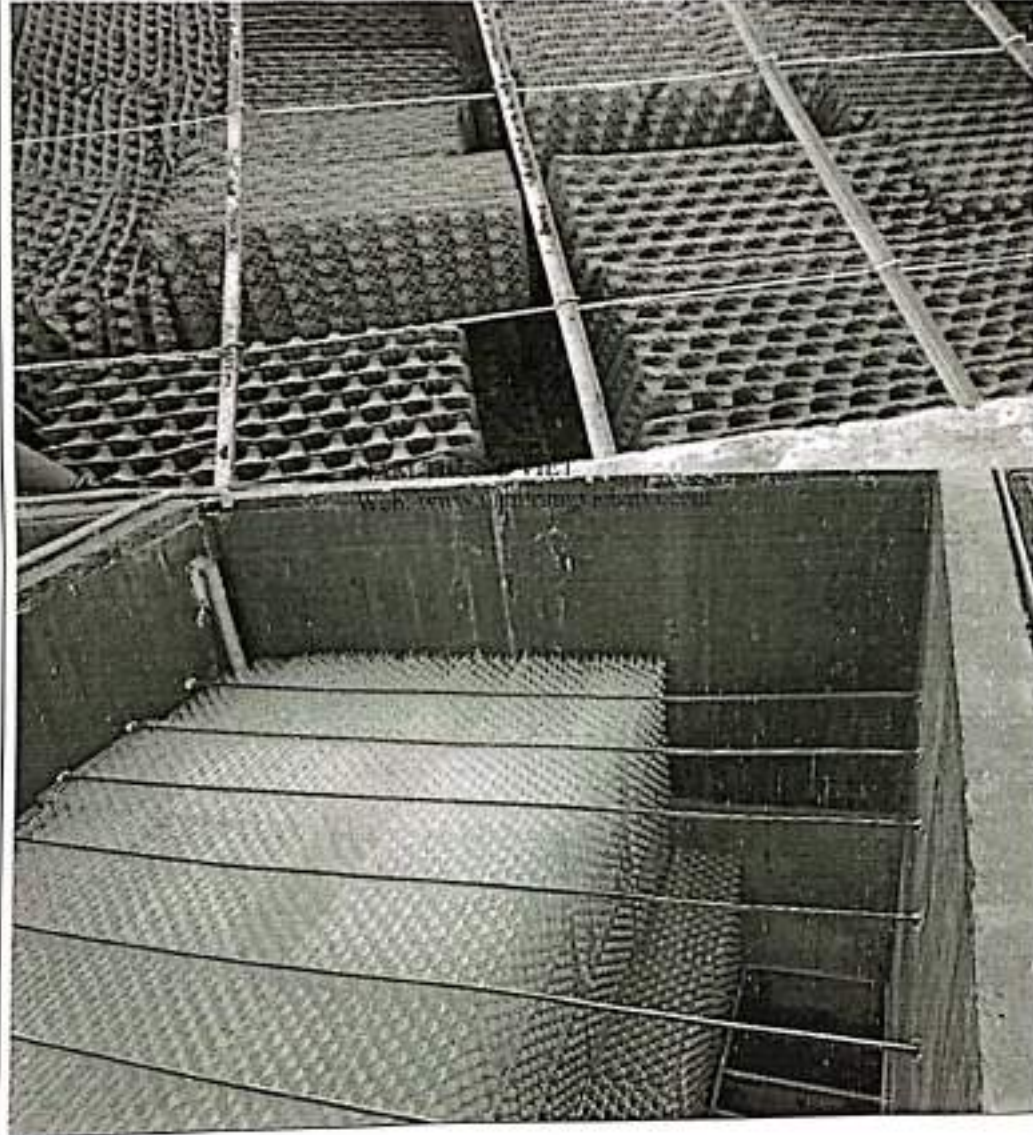
Tel : 083.7312244 – 0915871636 Fax: 083.7312244

Web : www.namtrungvietenvi.com, www.demvisin.vn

Email: namtrungviet.envi@gmail.com

MỘT SỐ HÌNH ẢNH THI CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI 200 M3/NGÀY.ĐÊM





CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM TRUNG VIỆT

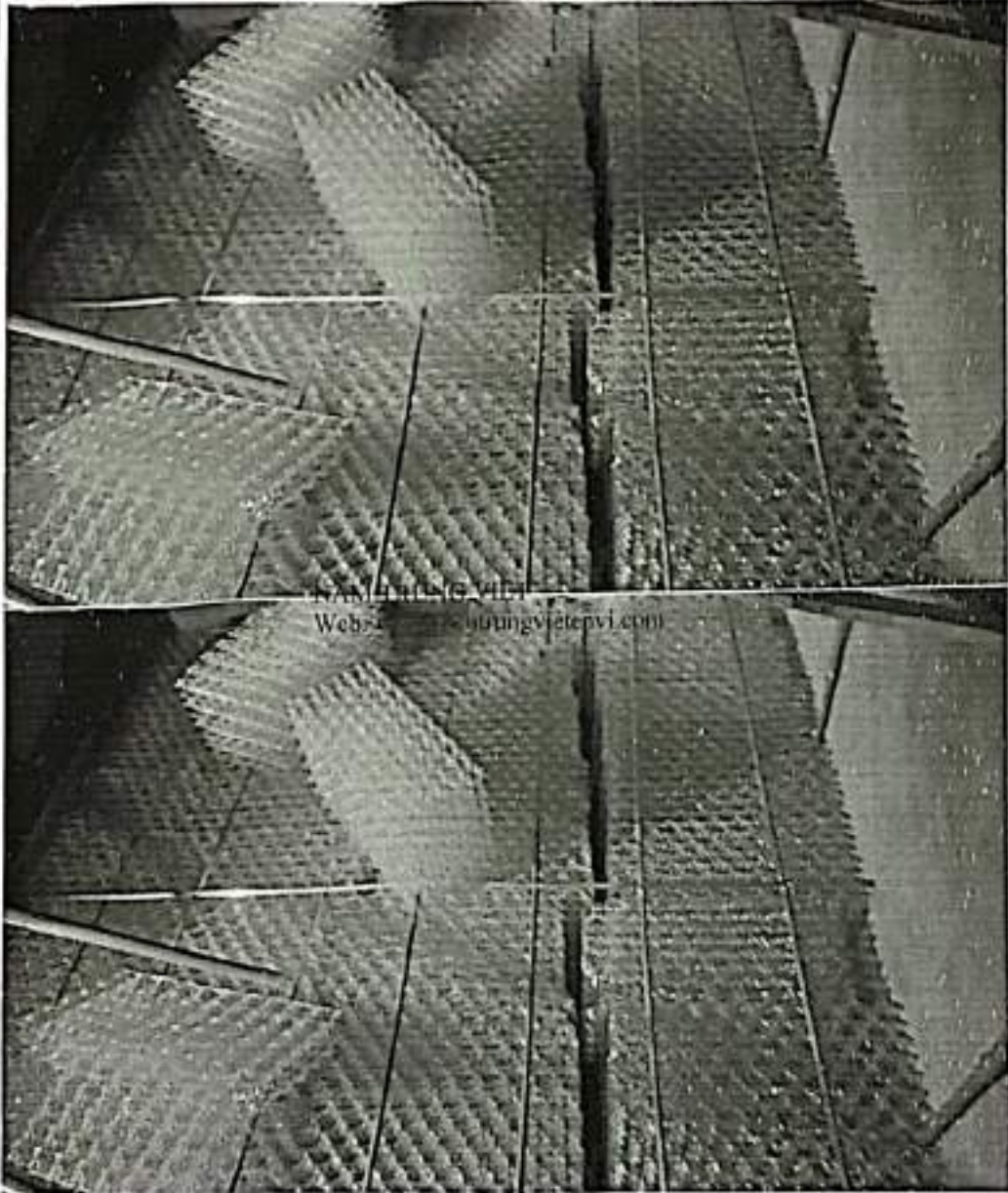
Địa chỉ: 88-90 đường số 3, KDC HimLam, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Tel : 083.7312244 - 0915871636 Fax: 083.7312244

Web : www.namtrungvietenvi.com, www.demvisin.vn

Email: namtrungviet.envi@gmail.com

CÔNG TRÌNH 100M3/NGÀY.ĐÊM



11/9/2024 11:50



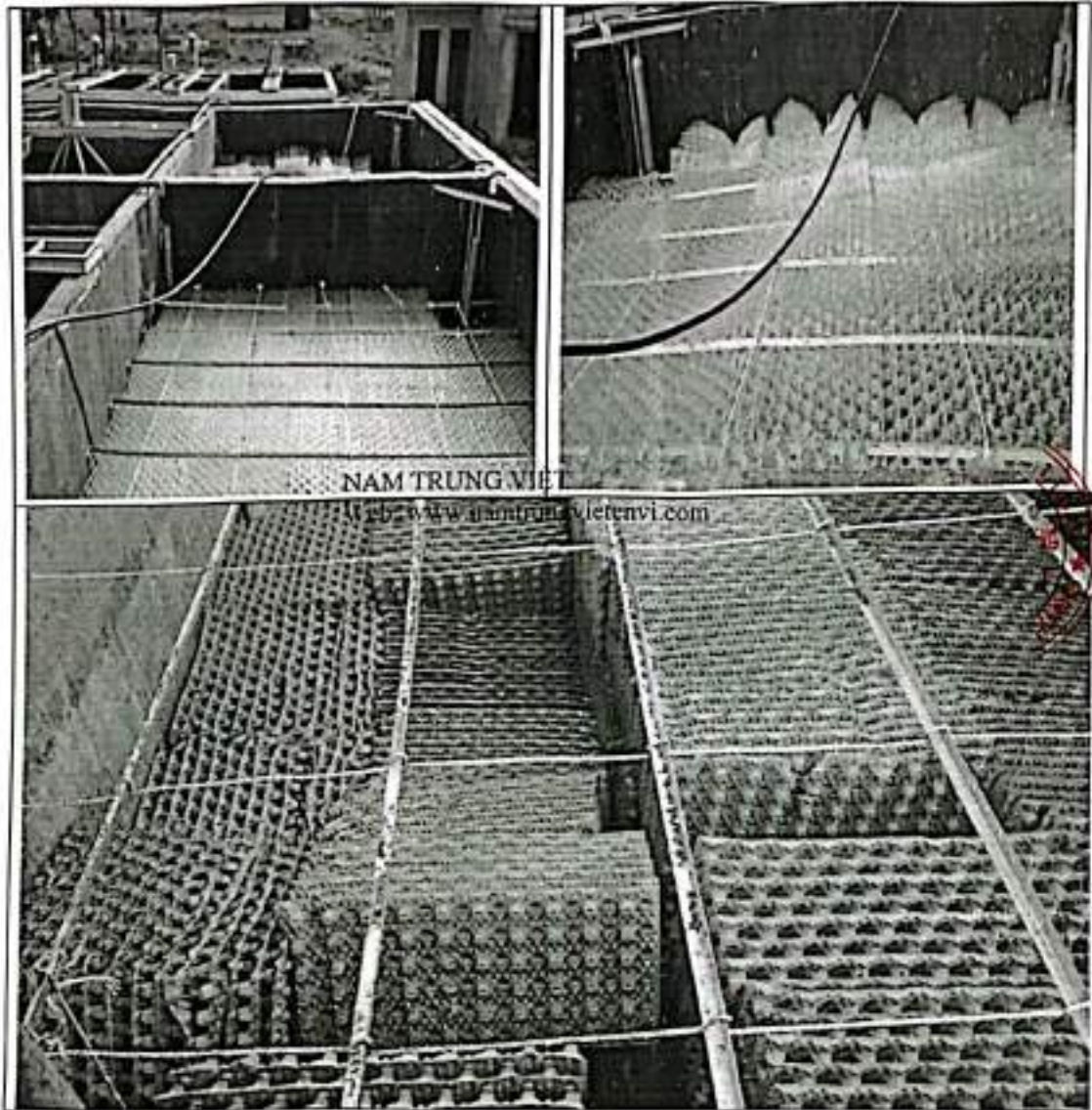
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM TRUNG VIỆT

Địa chỉ: 88-90 đường số 3, KDC HimLam, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Tel : 083.7312244 – 0915871636 Fax: 083.7312244

Web : www.namtrungvietenvi.com, www.dcmvisin.vn

Email: namtrungviet.envi@gmail.com



1. Exporter
HEY WEL MECHANICAL CO., LTD.
 No. 839, Huannan Rd., Datan Vil., Quanyin Dist., Taoyuan City
 328451, Taiwan

CERTIFICATE NO.
DT25CA00004 Page 1 of 1

CERTIFICATE OF ORIGIN
 (Issued in Taiwan)
ORIGINAL

2. Importer
LINE QUAN ENVIRONMENT EQUIPMENT IMPORT EXPORT SERVICE TRADING CO., LTD.
 45 STREET 8, QUARTER 5, HIEP BINH CHANH WARD, CITY. THU DOC, CITY. HCM, VIETNAM ATTN: MS. DO THI KIM HOA
 TEL:+84-93 821 3680

3. Port of Loading **KAOHSIUNG, TAIWAN**

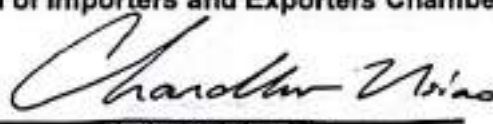

4. Port of Discharge **CAT LAI PORT, VIETNAM**
 5. Country of Destination **VIET NAM**

6. Description of Goods	7. Quantity/Unit
L.I VIETNAM C/NO. 1-12 MADE IN TAIWAN R.O.C VACUUM PUMPS ----- MODEL: RSV-40 MODEL: RSV-50 MODEL: RSV-65 VACUUM PUMPS ACCESSORIES ----- ROTORS DRIVE SHAFT 1-1/2" (40) ROTORS DRIVE SHAFT 5" (125) GEARS ----- M2*45T*32L SAY TOTAL TWELVE (12) PALLETS	50 PCS 20 PCS 20 PCS 1 PCS 1 PCS 10 PCS ----- 102 PCS VVVVVVVVVVVVVVV


Giám đốc
Đỗ Thị Kim Hoa

This certificate shall be considered null and void in case of any alteration.

Certification
 It is hereby certified that the goods described in this certificate originate in Taiwan.

Taiwan Federation of Importers and Exporters Chamber of Commerce

 Authorized signature
 7F-2, No. 100, Linsen N. Rd., Taipei City 104004, Taiwan

 Date of Certification: **JAN 2 2025**





ISO 9001 Certified

HEY WEL MECHANICAL CO.,LTD

No. 839, Huannan Rd., Guanyin Dist., Taoyuan City 328451 , Taiwan (R.O.C.)

CERTIFICATE OF QUALITY AND QUANTITY

DATED: DEC.27,2024

TO : LINH QUAN ENVIRONMENT EQUIPMENT IMPORT EXPORT SERVICE TRADING CO., LTD.

RE : COMMODITY : VACCUM PUMPS
MODEL: RSV-40
MODEL: RSV-50
MODEL: RSV-65

VACCUM PUMPS ACCESSORIES
ROTORS DRIVE SHAFT 1-1/2" (40)
ROTORS DRIVE SHAFT 5" (125)

GEARS
M2*45T*32L

QUANTITY : 102PCS

PACKED IN 12PLTS

SHIPMENT : FROM KAOHSIUNG, TAIWAN

TO: CAT LAI PORT, VIETNAM

SAILING ON/ABOUT :

WE HEREBY CERTIFY THAT
THE MERCHANDISED QUALITY AND QUANTITY IS CHECKED AND TESTED AND SHIPPED
ACCORDING TO THE BUYER'S REQUIREMENTS.



THE MERCHANDISE TO BE OF TAIWAN ORIGIN



HEY WEL MECHANICAL CO., LTD

May

1. Exporter TAUNG LIX ELECTRICAL CO., LTD. 1PL., NO. 50, WU CHUAN 3 RD., WUGU DIST., NEW TAIPEI CITY 248, TAIWAN (R.O.C.)	CERTIFICATE NO. EC24HA07854 Page 1 of 1 CERTIFICATE OF ORIGIN (Issued in Taiwan) ORIGINAL
2. Importer NGOC TIEN PRODUCTION SERVICE TRADING CO., LTD. 740/5A, AU CO STR., WARD 14, TAN BINH DIS., HO CHI MINH CITY, VIETNAM	
3. Port of Loading KEELING, TAIWAN	4. Port of Discharge HO CHI MINH 5. Country of Destination VIET NAM

6. Description of Goods	7. Quantity/Unit
T.L. (IN DIA) C/NO.1-2 MADE IN TAIWAN Gear motor PP28-0400-15S3 Gear motor PP50-0400-1400S3 Gear motor PP32-1500-20S3 Gear motor PF40-1500-50S3 Gear motor PP28-0400-20S3 Gear motor PP28-0400-50S3 Gear motor PP22-0400-10S3 Gear motor PP50-0750-7000S3 Gear motor PP50-0750-1400S3 Gear motor PL22-0200-40S3 Gear motor PL28-0750-25S3 Gear motor PF18-0200-10S3 Gear motor PP22-0200-25S3 Gear motor PP22-0200-40S3 Gearbox PLK28-0400-50 Gear motor PP28-0400-20S3 Gear motor PL32-1500-3S4 SAY TOTAL TWO (2) W/CASE ONLY <div style="text-align: center;">  Ngày.....tháng.....năm.....  NGUYỄN THỊ NGỌC THỦY </div>	7 PCS 2 PCS 1 PCS 1 PCS 3 PCS 1 PCS 1 PCS 1 PCS 1 PCS 2 PCS 2 PCS 2 PCS 2 PCS 2 PCS 2 PCS 10 PCS 4 PCS <hr/> 44 PCS ~~~~~

This certificate shall be considered null and void in case of any alteration.

Certification
 It is hereby certified that the goods described in this certificate originate in Taiwan.

TAIPEI CHAMBER OF COMMERCE


 Authorized signature
 1F., No. 12, Jilin Rd., Zhongshan District, Taipei City 104, Taiwan
 Tel: 886-2-25421957 Fax: 886-2-25429461



Date of Certification : DEC 23 2024



1. Exporter TAINGLIX ELECTRICAL CO., LTD. 1FL., NO.50, YU CHUAN 3 RD., WUGU DIST., NEW TAIPEI CITY 248, TAIWAN (R.O.C.)		CERTIFICATE NO. EC24HA07854		Page 1 of 1
2. Importer NGOC TIEN PRODUCTION SERVICE TRADING CO., LTD. 740/5A, AU CO STR., WARD 14, TAN BINH DIS., HO CHI MINH CITY, VIETNAM		CERTIFICATE OF ORIGIN (Issued in Taiwan) ORIGINAL		
3. Port of Loading KEELING, TAIWAN		4. Port of Discharge HO CHI MINH		5. Country of Destination VIET NAM
6. Description of Goods			7. Quantity/Unit	
T.L. (IN DIA) C/NO.1-2 MADE IN TAIWAN	Gear motor	PF28-0400-15S3	7	PCS
	Gear motor	PF50-0400-1400S3	2	PCS
	Gear motor	PF32-1500-20S3	1	PCS
	Gear motor	PF40-1500-50S3	1	PCS
	Gear motor	PF28-0400-20S3	3	PCS
	Gear motor	PF28-0400-50S3	1	PCS
	Gear motor	PF22-0400-10S3	1	PCS
	Gear motor	PF50-0750-7000S3	1	PCS
	Gear motor	PF50-0750-1400S3	1	PCS
	Gear motor	PL22-0200-40S3	2	PCS
	Gear motor	PL28-0750-25S3	2	PCS
	Gear motor	PF18-0200-10S3	2	PCS
	Gear motor	PF22-0200-25S3	2	PCS
	Gear motor	PF22-0200-40S3	2	PCS
	Gearbox	PLK28-0400-50	2	PCS
Gear motor	PF28-0400-20S3	10	PCS	
Gear motor	PL32-1500-3S4	4	PCS	
SAY TOTAL TWO (2) W/CASE ONLY			44 PCS ~~~~~	
This certificate shall be considered null and void in case of any alteration.				
Certification It is hereby certified that the goods described in this certificate originate in Taiwan.				
TAIPEI CHAMBER OF COMMERCE Authorized signature				
1F., No. 12, Jilin Rd., Zhongshan District, Taipei City 104, Taiwan Tel: 886-2-25421957 Fax: 886-2-25429461			Date of Certification : DEC 23 2024	



東力電機股份有限公司

Taunglix Electrical Co., Ltd.

新北市五股工業區五權三路 50 號

No.50 Wu Chan 3 Rd., Wu Ku, Taipei, Taiwan 248

TEL : +886-2-2299-2655 FAX : +886-2-2299-0146

WWW.TUNGLEE.COM.TW E-mail: TLmotor@tunglee.com.tw

DATE: 2024.12.19

CERTIFICATE OF QUALITY

SHIPMENT	:	PER	WAN HAI 288 V-S082
		FROM	TAIPEI TAIWAN
		TO	HO CHI MINH, VIETNAM (CAT LAI)
		ETA	23th December , 2024
		PRODUCTS	GEAR MOTORS
		BUYER	NGOC TIEN PRODUCTION SERVICE TRADING CO., LTD.

DEAR SIR:

WE, THE MANUFACTURER (TUNG LEE ELECTRICAL CO., LTD.) OF THE ABOVE MENTIONED EXPORTED GOODS, HEREBY CERTIFY THAT THE GOOD HAVE BEEN INSPECTED BY US BEFORE SHIPMENT AND THEY ARE ALL OF GOOD QUALITY.

QUANTITY: 44 SET

TUNG LEE ELECTRICAL CO., LTD.

TAUNGLIX ELECTRICAL CO., LTD.

Pindie Wang
.....
.....



2024.12.19
17:00
QC




東力電機股份有限公司
TAUNGLIX ELECTRICAL CO., LTD.

Tel: 886-2-2299-2555-58 886-2-2299-2149-50 Fax: 886-2-2299-0146

Web site: www.taunglix.com.tw E-mail: TLmotor@taunglix.com.tw

裝箱明細
PACKING LIST

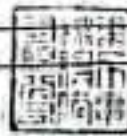
客戶 Customer	NGOC TIEN PRODUCTION SERVICE TRADING CO., LTD.	結關日 Custom Date	2024/12/20
收貨人 Receptor	NGOC TIEN PRODUCTION SERVICE TRADING CO., LTD.	開單日 E.T.D.	2024/12/23
地址 Address	7405A, Au Co Str., Ward 14, Tan Binh Dia., HO CHI MINH CITY, VIETNAM	封單日 E.T.A.	2024/12/30
電話 Tel	848-730-79279	車頭 Markers	 C/NO. 1-2 MADE IN TAIWAN
封箱號碼 S/O NO	D203		
船名 Boat Name	WAN HAI 288		
航次 Boat No	V-S082		
備註 Remarks	沙止長邦一庫		

箱號 C/NO	品名 Item	規格 Description	數量 Quantity	單重 Unit Weight	淨重 Net Weight	毛重 Gross Weight	材積 Meas
1	Gear motor	PF28-0400-15S3	7	13.40	93.80		
	Gear motor	PF32-1500-20S3	1	26.50	26.50		
	Gear motor	PF28-0400-20S3	3	13.40	40.20		
	Gear motor	PF28-0400-50S3	1	13.40	13.40		
	Gear motor	PF22-0400-10S3	1	9.60	9.60		
	Gear motor	PL22-0200-40S3	2	8.80	17.60		
	Gear motor	PL28-0750-25S3	2	15.10	30.20		
	Gear motor	PF18-0200-10S3	2	7.10	14.20		
	Gear motor	PF22-0200-25S3	2	8.80	17.60		
	Gear motor	PF22-0200-40S3	2	8.80	17.60		
	Gearbox	PLK28-0400-50	2	7.50	15.00		
			25		295.70	335.70	135*113*72
2	Gear motor	PF50-0400-14000S3	2	57.30	114.60		
	Gear motor	PF40-1500-50S3	1	49.30	49.30		
	Gear motor	PF50-0750-7000S3	1	57.30	57.30		
	Gear motor	PF50-0750-14000S3	1	57.30	57.30		
	Gear motor	PF28-0400-20S3	10	13.40	134.00		
	Gear motor	PL32-1500-3S4	4	25.00	100.00		
			19		512.60	552.50	135*113*72

TAUNGLIX ELECTRICAL CO., LTD.

Pine Wang

44
PC



808.20
KG

888.20
KG

Shipper
 YAUNGLIX ELECTRICAL CO., LTD.
 NO. 50, WU CHUAN 3 RD., WUGU DIST.,
 NEW TAIPEI CITY 248, TAIWAN (R.O.C.)

WTPKELHM241297
 SO: D203

BILL OF LADING

JOB NO. WTP2411940

Consignee
 NGUYEN PRODUCTION SERVICE TRADING CO., LTD.
 740/5A, AU CO STR., WARD 14,
 TAN BINH DIS., HO CHI MINH CITY, VIETNAM
 T: 848-730-79279 ATTN: THUY
 TAX CODE: 0309371516



Notify Party (Complete name and address)
 SAME AS CONSIGNEE

Place of receipt	KEELUNG, TAIWAN
Ocean vessel	WAN HAI 288 V-S082
Port of loading	KEELUNG, TAIWAN
Port of discharge	HO CHI MINH
Place of delivery	HO CHI MINH

Marks and numbers	Number and kind of packages	Description of goods	Gross weight	Measurement
T.L. (1N DIA) C/NO. 1-2 MADE IN TAIWAN	2W/CASES VVVVVVVV	GEARBOX HS CODE: 8483.40	888.200 KGS	2.140 M3
		GEAR MOTOR HS CODE: 850151 HS CODE: 850152	WHSU6676848/40'HQ/CFS-CFS 2W/CASES/888.200KGS/2.140M3 SEAL NO: WHLN427010	

COPY NON-NEGOTIABLE

YAUNGLIX ELECTRICAL CO., LTD.

Ping-wei Wang

"FREIGHT PREPAID"
 CFS-CFS

SURRENDERED

SAY TOTAL: TWO (2) W/CASES ONLY

according to the declaration of the consignor

FREIGHT & CHARGE	REVENUE/TONS	RATE	PREPAID	COLLECT
OCEAN FREIGHT			AS ARRANGED	

The goods and instructions are accepted and dealt with subject to the Standard Conditions printed overleaf. USD: 32.76
 Taken in charge in apparent good order and condition, unless otherwise noted herein, at the place of receipt for transport and delivery as mentioned above.
 One of these Combined Transport Bills of Lading must be surrendered duly endorsed in exchange for the goods. In Witness whereof the original Combined
 Transport Bills of Lading all of this tenor and date have been signed in the number stated below, one of which being accomplished the other(s) to be void.
 SHIPPED ON BOARD: 25 DEC, 2024

Freight amount AS ARRANGED	Freight payable at TAIPEI, TAIWAN	Place and date of issue TAIPEI, TAIWAN : 25 DEC, 2024
Cargo insurance through the undersigned <input type="checkbox"/> Not covered <input type="checkbox"/> Covered according to attached Policy	Number of Original THREE (3)	Stamp and signature WHALE LOGISTICS CO., LTD.
For delivery of goods please apply to: DOLPHIN SEA AIR SERVICES CORPORATION - HOCHIMINH OFFICE HAI AN BUILDING, 39B TRUONG SON STREET, WARD 4, TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM TAX CODE: 0305358891 TEL: 84 8 6264 7222 FAX: 84 8 6264 7333		BY _____ AS CARRIER



**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MÔI TRƯỜNG
HỒNG HÀ**

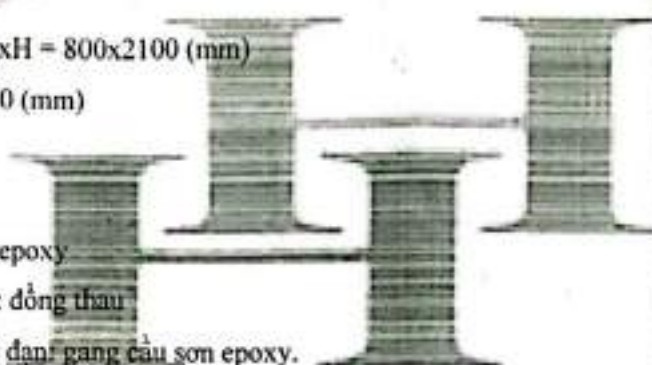
Địa chỉ: 15 Đường 53 – KP. 8 – P. Hiệp Bình Chánh – TP. Thủ Đức – TP. HCM
ĐT: 028. 5403 6126 – Fax: 028. 5422 6159 – DD: 0908. 182 171
Email: inoxhongha@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

Số : 01/CNCL/HH-PK
Ngày:/04/2025

- Khách hàng : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚC KHANH**
- Ngày xuất xưởng: Ngày tháng 04 năm 2025.

STT	Tên vật tư, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	<p>VAN CỬA PHAI - Theo bản vẽ đính kèm</p> <ul style="list-style-type: none">- Kích thước lỗ: D600- Kích thước khung van (phủ bì): BxH = 800x1600 (mm)- Kích thước lá van: BxH = 600x750 (mm)- Khung van, lá van: dày 5mm- Tầng cứng: dày 4mm- Vật liệu chính làm van: Thép sơn epoxy- Trục vít D35: Inox 201 + Con tán: đồng thau.- Gioăng cao su EPDM, Gối đỡ bạc đạn: gang cầu sơn epoxy.- Bulong, ốc vít, tắc kê, la nạp: inox 304- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018.- Van được chế tạo theo tiêu chuẩn ANSI/AWWAC561 về rò rỉ cho phép 1.25 l/ph/m chu vi tiếp xúc <p>HỘP SỐ - Cắt ly hợp tay quay khí cúp điện</p>	Cái	1	Đạt yêu cầu kỹ thuật

	<ul style="list-style-type: none"> - Tải trọng: 300kg - Vật liệu: gang cầu sơn epoxy - Xuất xứ: Hồng Hà <p>ĐỘNG CƠ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất: 0,55kW/380V/50Hz/3 phase/IP55 - Thương hiệu: Đài Loan - Có nón chống mưa ngoài trời. 			
2	<p>*VAN CỬA PHAI - Theo bản vẽ đính kèm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước lỗ: D600 - Kích thước khung van (phủ bì): BxH = 800x2100 (mm) - Kích thước lá van: BxH = 600x750 (mm) - Khung van, lá van: dày 5mm - Tầng cứng: dày 4mm - Vật liệu chính làm van: Thép sơn epoxy - Trục vít D35: Inox 201 + Con tán: đồng thau  <ul style="list-style-type: none"> - Gioăng cao su EPDM, Gối đỡ bạc đạn: gang cầu sơn epoxy. - Bulong, ốc vít, tác kê, la nẹp: inox 304 - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018. - Van được chế tạo theo tiêu chuẩn ANSI/AWWAC561 về rò rỉ cho phép 1.25 l/ph/m chu vi tiếp xúc <p>HỘP SỐ - Cắt ly hợp tay quay khi cúp điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tải trọng: 300kg - Vỏ hộp số: gang cầu sơn epoxy - Xuất xứ: Hồng Hà 	Cái	1	Đạt yêu cầu kỹ thuật

177263
CÔNG TY
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
HỒNG HÀ
TP. HỒ CHÍ MINH

DỘNG CƠ

- Công suất: 0,55kW/380V/50Hz/3 phase/IP55
- Thương hiệu: Đài Loan
- Có nón chống mưa ngoài trời.

1. Chi tiêu chất lượng, số lượng, qui cách chủng loại sản phẩm: Đạt yêu cầu

2. Đơn vị gia công : Công ty TNHH Cơ Khí Môi Trường Hồng Hà.

3. Tình trạng: gia công mới 100%

4. Đơn vị nhận hàng: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚC KHANH**

5. Địa chỉ nhận hàng : 1/56 Đường Thuận Giao 01, KP Bình Thuận 2, P. Thuận Giao, TP Thuận An, Bình Dương

6. Cam kết : Chúng tôi chứng nhận rằng sản phẩm được sản xuất, gia công đúng theo hồ sơ thiết kế đã được chấp thuận.

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MÔI TRƯỜNG HỒNG HÀ
GIÁM ĐỐC



Handwritten signature

Bùi Ngọc Hà

